The best trendline methods of Alan Andrews and Five New Trendline Techniques

Một số phương pháp sử dụng trendline của Alan Andrews và 5 kỹ thuật trendlines mới

(Tác giả: Patrick Mikula)

Mục Lục:

Giới thiệu

<u>Phần I: Một số phương pháp sử dụng trendline của Alan Andrews</u>

- ***Biểu đồ Bar và Pivots***
- ***Cao tới Cao, Thấp tới thấp Trendline***
- ***Cao tới thấp và thấp tới cao trendline***
- ***Đường đa điểm***
- ***Đường trung tuyến***
- ***Lý thuyết đường trung tuyến***
- ***Nguyên tắc giao dịch đường trung tuyến 1-3***
- ***Nguyên tắc giao dịch đường trung tuyến 4***
- ***Mô hình cái dĩa (đường song song trên và dưới)***
- ***Đường vào lệnh nhanh***
- ***Nguyên tắc vào lệnh dựa trên mô hình dĩa và đường vào lệnh nhanh***
- ***Đường trung tuyến nhỏ***
- ***Đường cảnh báo***
- ***Mô hình giao dịch swing mở rộng***
- ***Phản ứng thị trường phương thức 1***
- ***Phản ứng thị trường phương thức 2***
- ***Đường trendline trượt***
- ***Giao dịch theo phương pháp song Elliot***

<u>Phần II: 5 kỹ thuật trendlines mới</u>

- ***Nguyên tắc sử dụng trendline cái dĩa 1***
- ***Nguyên tắc sử dụng trendline cái dĩa 2***
- ***Nguyên tắc sử dụng trendline cái dĩa 3***
- ***Nguyên tắc mới 1: Đường trung tuyến – cơ sở cho chiến thuật giao dịch swing***
- ***Nguyên tắc mới 2: trendline cái dĩa và 50%***
- ***Nguyên tắc mới 3: Đường trung tuyến và vùng Pivot***
- ***Nguyên tắc mới 4: Phản ứng của thị trường nguyên tắc 3***
- ***Nguyên tắc 5: Trendline siêu dĩa***

-

Phần I: Một số phương pháp sử dụng trendline của Alan Andrews

- **Giới thiệu:**

- Tôi đã vô cùng may mắn dồn hết tâm trí vào việc giao dịch trước khi đợi chờ các kỹ thuật phân tích trên máy tính của tôi và đã dành rất nhiều thời gian đọc các cuốn sách từ nhừng năm 1950 đến 1980. Trong đó có rất nhiều thảo luận tuyệt vời trong những cuốn sác này về phương pháp sử dụng trendline này hơn tất cả các cuốn sách hiện tại đang có. Tình cờ tôi đọc qua cuốn sách của Alan Andrew được xuất bản năm 1986 "Technical Analysis ở the Futures market" của tác giả John Murphy. Tôi đã dành nhiều thời gian tìm kiếm phương pháp giao dịch theo trendline hơn bao giờ hết, và tôi đã tìm kiếm ra. Trong cuốn sách này Andrew đã đưa ra một phương pháp đơn giản
- Trong công việc tư vấn của tôi tại CTA (commodities Trading Advisor) tôi đã bắt gặp một số người đã tham dự hội thỏa của Andrew về sự phản ứng lại thị trường. Nó đã cung cấp cho tôi cơ hội để thực hành những vấn đề cốt lõi của Andrew, chúng thực sự quan trong, nó cho phép tôi có thể thảo luận với các trader những người đã sử dụng phương pháp giao dịch theo trendline cảu Andrews.
- Trong các buổi hội thảo, Andrews nói rằng phương pháp giao dịch theo trendline của ông dựa trên các nghiên cứu của Roger Babson. Vào những năm 1930, Roger Babson, bằng phương pháp của mình ông đã đưa ra dự báo về sự sụp đổ của năm 1929 cực kỳ thực tế so với những trader khác. Nhưng tất cả những gì Roger BabSon có trao đổi với Andrews thì không ai biết. Nhưng theo nghiên cứu của tôi thì tôi tin rằng Babson đã đưa cho Andrews khái niệm tài chính của sự phản ứng lại thị trường. Và Andrews phát triển hệ thống trendline dựa trên cơ sở này.
- Phương pháp được sử dụng bởi 2 người này có thể dựa trên cùng một lý thuyết phản ứng lại thị trường nhưng thực tế phương pháp này sử dụng rất khác. Roger Babson sử dụng phương pháp mà nó có sự dịch chuyển nhịp nhàng trên hoặc dưới một đường kẻ được kẻ qua điểm giữa của một khu vực giá trước đó (price Swing). Nó giúp Babson có thể tính toán được khoảng cách trung bình phía dưới

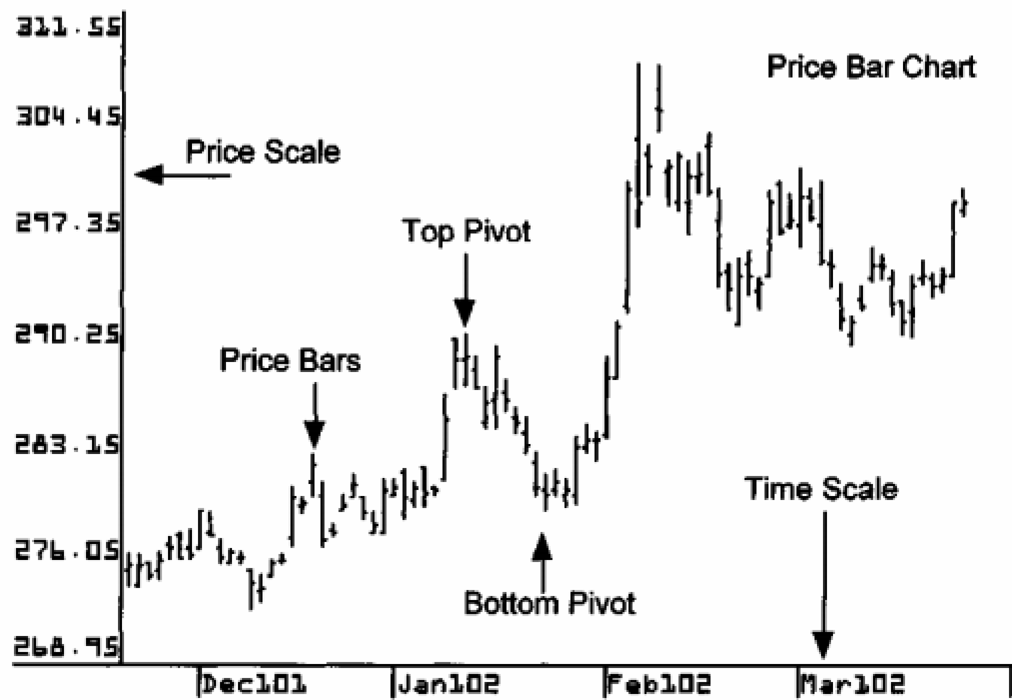
và phía trên đường kẻ trung tâm này có thể tiếp tục hoặc quay trở lại với chỉ dẫn khác. Người ta tin tưởng rằng Babson sử dụng phương pháp này để tìm kiếm sự may mắn trên thị trường bằng cách nhận diện khi nào thị trường tiếp tục tiếp diễn theo cả hai chiều tăng hoặc giảm. Người ta cũng tin rằng phương pháp được ông sử dụng năm 1929 này đã đưa ra một số cảnh bảo rằng thị trường chứng khoán sẽ rơi vào tình trạng đổ vỡ suy sụp nghiêm trọng và khi điều này xảy ra, Babson được ví như một thiên tài

- Phương pháp giao dịch được sử dụng bởi Andrew xuất hiện dựa trên một số ý tưởng về sự chuyển động của giá xung quanh đường kẻ giữa tuy nhiên chúng lại khác so với cách sử dụng của Babson. Phương pháp của Babson là một phương pháp phân tích dài hạn của thị trường cổ phiếu cũng như nền kinh tế trong khi đó phương pháp của Andrews lại sử dụng trong việc phân tích ngắn hạn. Tuy nhiên kết quả của 2 phương pháp này là hoàn toàn giống nhau, cả 2 đều đạt được được mức lợi nhuận tốt trong giao dịch. Và các trader tham dự các buổi hội thảo của Andrew cũng hầu như có kết quả tương tự.
- Andrew có khuynh hướng không dành thời gian cho việc chia sẻ phương pháp giao dịch dựa theo trendline cho đến khi ông nghỉ hưu.
- Cuốn sách này được chia làm 2 phần. Phần đầu tiên nói về những nhân tố được sử dụng có ảnh hưởng trực tiếp tới Andrew. Tôi đã cố mọi cách để không đưa những ý tưởng cá nhân vào mục này và chỉ đưa ra phương pháp của Andrews. Trong công việc tuyệt vời của Andrew, có những ý tưởng và phương pháp được đề cập bởi những người nghiên cứu, Andrews động viên những người này chịu khó chia sẻ những ý tưởng. Các nhân tó bị bỏ qua trong cuốn sách này bởi vì phương pháp đề cập ở đây là của những học sinh của Andrews chứ không phải phương pháp chính mà Andrew sử dụng để tìm kiếm sự may mắn trong thị trường.
- Phần thứ 2 của cuốn sách này là những ý tưởng mới trong việc phát triển hệ thống trendline dựa trên sự phát triển của tập đoàn tài chính Austin

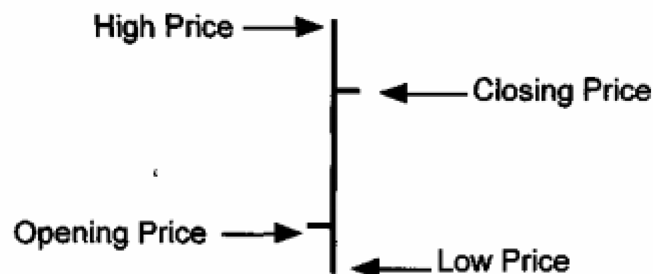
BAR CHART VÀ PIVOT

- Trong cuốn sách này ta sử dụng biểu đồ chuẩn hình que (Bar Chart) để giới thiệu về phương pháp giao dịch trendline. Hình dưới đây ta nhìn thấy là dạng biểu đồ hình que. Tỉ lệ bên trái tượng trưng cho giá tỉ lệ về thời gian là thanh ngang nằm dưới. Mỗi một thanh thẳng đứng riêng lẻ tượng trưng về giá. Trong cuốn sách này ta thường đề cập đến khái niệm Price Pivot. Pivot được coi là một điểm nơi mà giá bắt đầu có sự thay đổi chiều hướng. Trong hình dưới đây xuất

hiện 2 khái niệm Pivot đỉnh (Top Pivot) và Pivot đáy (Bottom Pivot). Thông qua hình dưới ta đã có sự nhận diện của khái niệm này



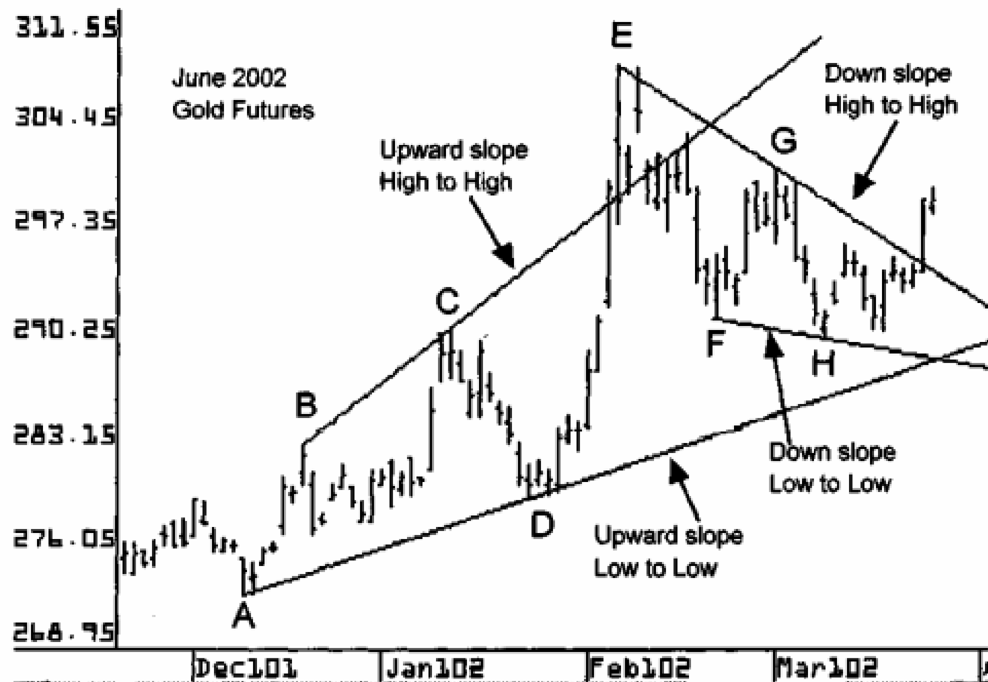
- Hình dưới đây sẽ cho ta thấy khái niệm về thanh giá đơn lẻ. Thanh giá có điểm mở cửa là thanh nằm ngang bên trái và đóng cửa là thanh nằm ngang bên phải. Điểm cao nhất thấp nhất chính là đường thẳng đứng của thanh bar



    ○
-

Cao tới Cao, Thấp tới thấp Trendline

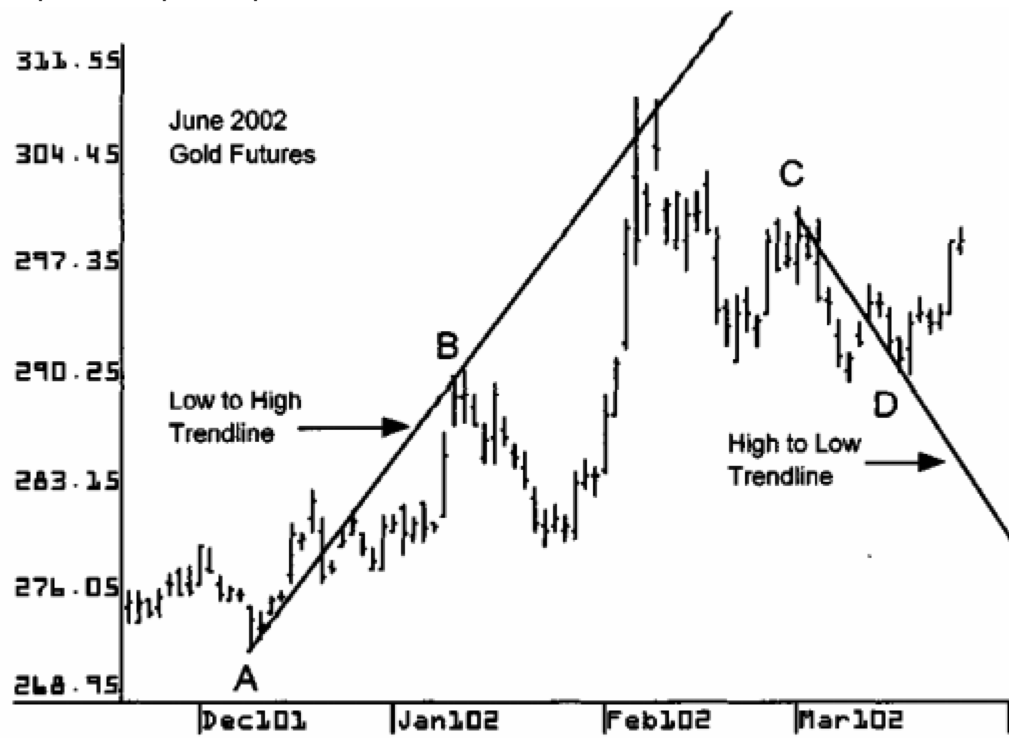
- Biểu đồ dưới đây cho ta cách vẽ 4 loại trend line. Một trong số đó được kẻ từ điểm Pivot B nối điểm C. Loại trendline này có 2 điểm. Độ nghiêng tăng (giá tăng sẽ tạo ra độ nghiêng tăng)và là điểm nối 2 điểm pivot cao nhất. Đường kẻ này thể hiện là một trendline kẻ cao tới cao.



-
- Cũng trên biểu đồ trên đường trendline được nối từ điểm A tới điểm D. 2 đặc điểm của đường trendline này là hướng lên trên và nối 2 điểm pivot thấp hay còn gọi cách khác là trenline kẻ thấp tới thấp.
- Khi trendline được nối với 2 loại pivot giống nhau ví dụ 2 pivot cao và 2 pivot thấp ta có 6 loại trendline cơ bản đó là:
  - Hướng xuống cao tới cao (đường E-G)
  - Hướng xuống thấp tới thấp (đường F-H)
  - Hướng lên Cao tới Cao (B-C)
  - Hướng lên thấp tới thấp (A-D)
  - Đường kẻ dài (trendline chính) cao tới cao và kẻ đến tận cùng (B-C)
  - Đường kẻ thấp tới thấp và kẻ đến tận cùng (A-D)

Trendline kẻ từ cao xuống thấp và từ thấp tới cao

- Trong biểu đồ dưới đây cho ta thấy trendline được kẻ từ điểm A tới điểm B. Trendline này được biểu thị bằng 2 điểm: Đường trendline hướng lên và được nối từ pivot thấp đến pivot cao.

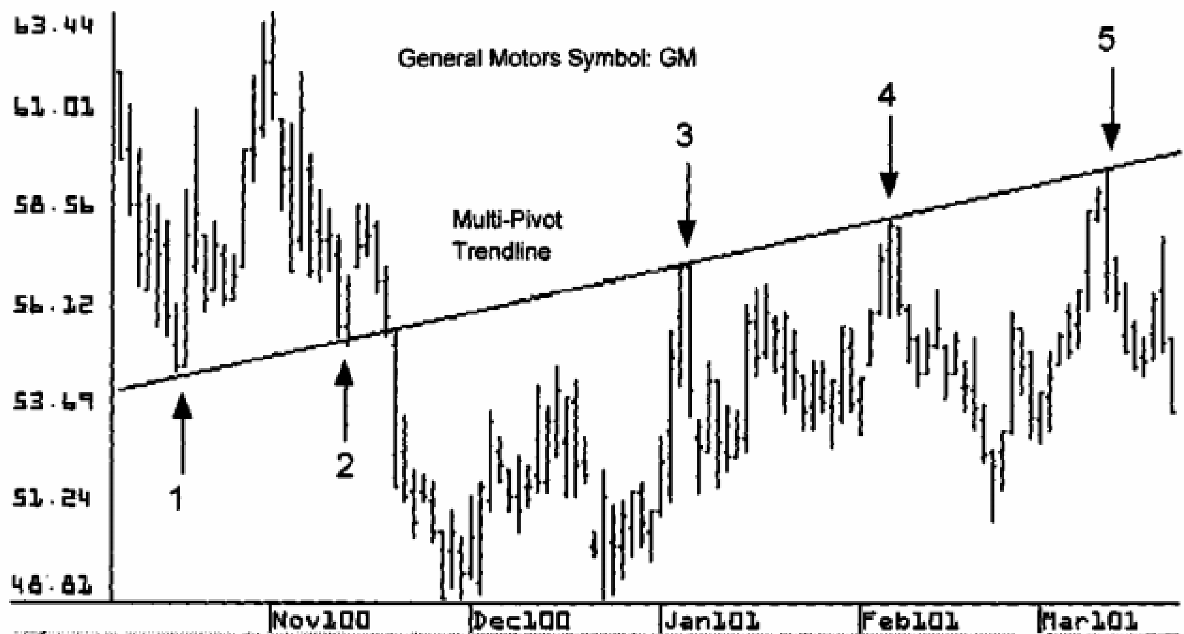


- Trong biểu đồ trên trendline được kẻ từ C-D. Và được biểu thị bằng 2 điểm chú ý sau: Trendline hướng xuống và được kẻ từ đỉnh cao đến đáy thấp.
- Khi trendline kẻ nối 2 điểm Pivot đối nghịch nhau như từ cao xuống thấp, ta cũng có 6 loại trendline có thể kẻ được
  - Hướng lên kẻ từ cao xuống thấp
  - Hướng lên kẻ từ thấp đến cao
  - Hướng xuống kẻ từ cao xuống thấp
  - Hướng xuống kẻ từ thấp đến cao
  - Đường kẻ ngang nối từ cao xuống thấp
  - Đường kẻ ngang nối từ thấp đến cao

Trendline qua nhiều điểm Pivot

- Andrew sử dụng đường trendline gọi là Multi – Pivot Line (trendline qua nhiều điểm Pivot). Trendline này được kẻ qua ít nhất là 2 điểm Pivot. Dạng trendline này không nhất thiết phải kẻ chính xác qua điểm cao hoặc thấp của mỗi pivot mà chỉ cần được kẻ gần sát với các điểm pivot. Andrew cũng cho rằng số

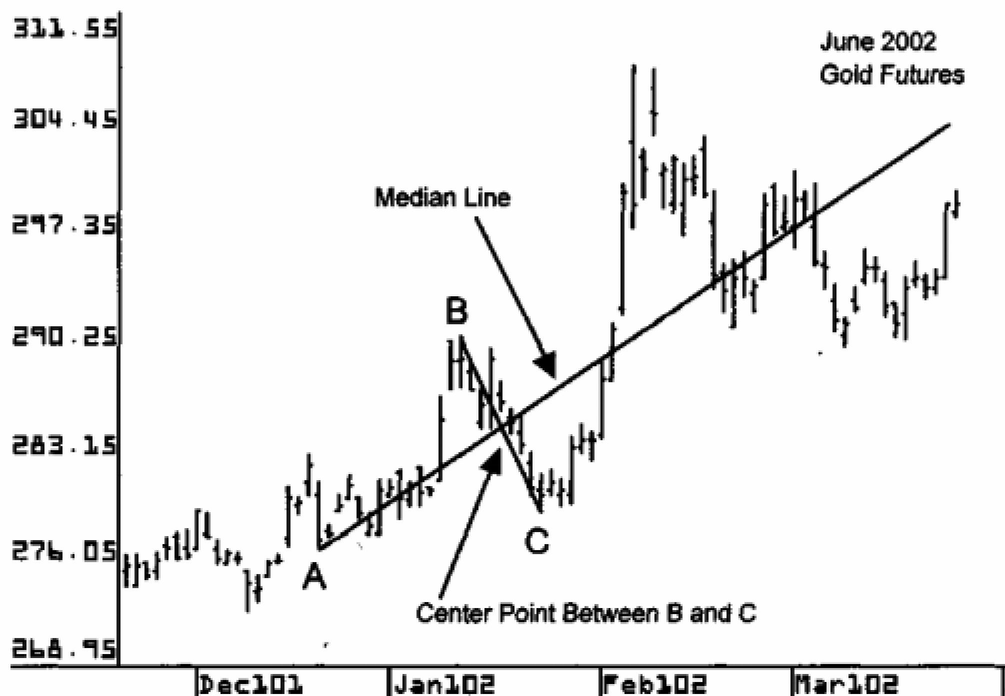
trendline được kẻ qua càng nhiều điểm Pivot thì việc xác định các mức kháng cự hỗ trợ và các điểm pivot càng tin cậy bấy nhiêu



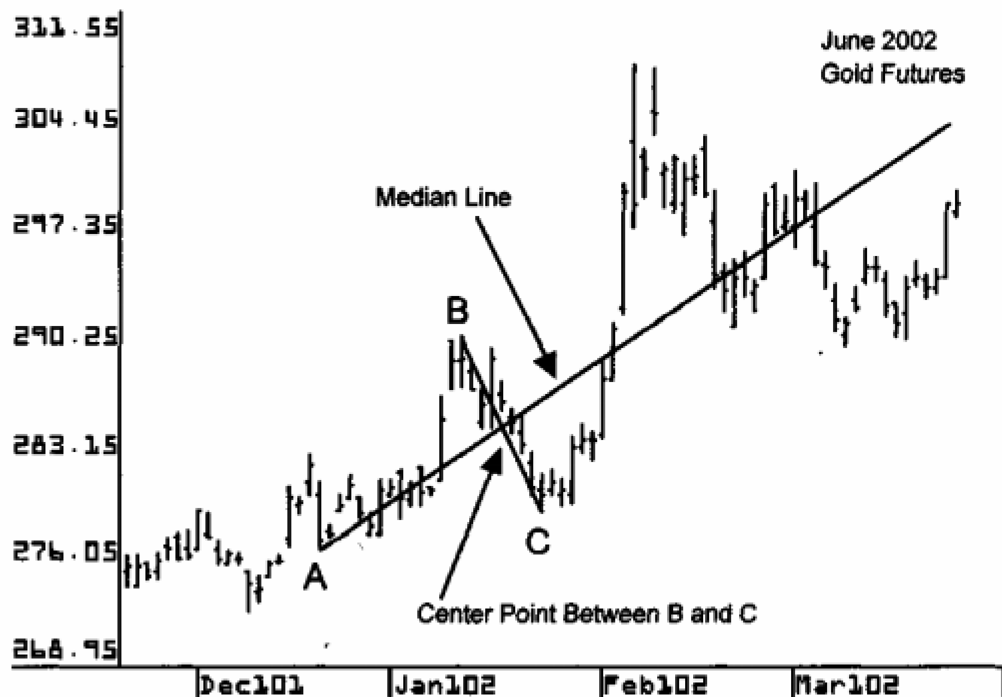
- Trong hình trên (chart cổ phiếu của General Motor – GM). Trong chart này, Trendlien được kẻ qua 5 diểm pivot và đây được coi là Multi –Pivot line và có độ tin cậy cao hơn so với các trendline được kẻ qua 2 điểm pivot.

Median Line: Đường trung tuyến

- Đường trendline hữu dụng nhất cúa Andrew được biết đến đó là Đường trung tuyến (Median Line)

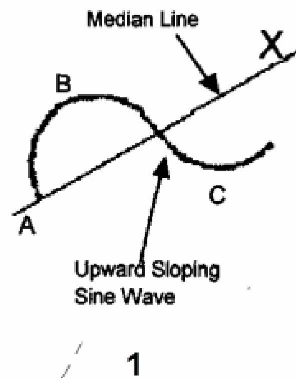


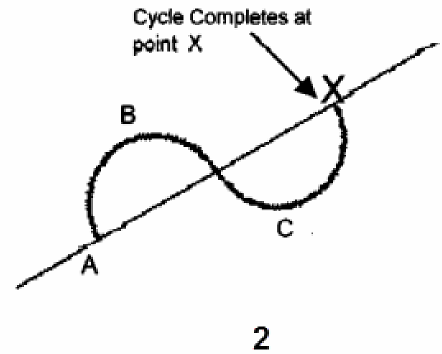
- Trong chart trên thể hiện đường trung tuyến xu hướng tăng. Cần 3 điểm pivot để có thể kẻ đường Trung tuyến, 2 trong số điểm pivot phải là đỉnh và đáy của một vùng giá Swing. Trung điểm của khoảng giá swing này phải được tính toán đơn giản bằng phép toán cộng trừ nhân chia. Cộng 2 điểm cao nhất thấp nhất chia cho 2 ta sẽ có kết quả. Trên biểu đồ trên trung điểm của B và C được xác định để kẻ đường Median Line (đường trung tuyến).
- Tiếp theo, điểm pivot thứ 3 được xác định trước khi xảy ra khoảng giá Swing (Khoảng B-C), về nguyên tắc Pivot này xảy ra ngay trước khoảng giá swing(khoảng BC). Pivot thứ 3 này được coi là điểm bắt đầu của đường trendline trung tuyến. Trên biểu đồ trên pivot A được tính là điểm bắt đầu của đường trung tuyến được kẻ bằng cách nối từ pivot A qua trung điểm khoảng giá swing BC.
- Lưu ý: Đường kẻ nối pivot B và Pivot C không dung để yêu cầu vẽ đường trung tuyến mà dung để giúp chúng ta có thể thấy được một cách dễ dàng điểm pivot để vẽ đường trung tuyến



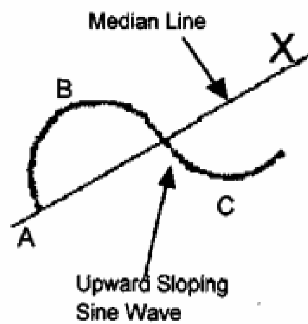
Thuyết đường trung tuyến

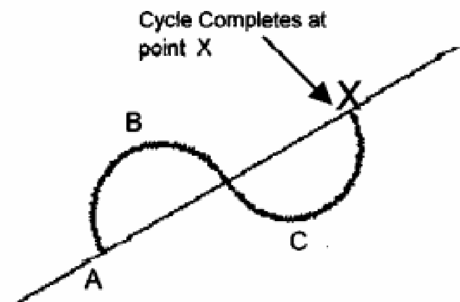
- Andrew luôn cho rằng Đường trung tuyến được dựa trên các định luật của vật lý. Ông tin rằng các nguyên lý của vật lý học có thể áp dụng vào thị trường tài chính. Biểu đồ dưới đây sẽ cho chúng ta thấy nguyên tắc vật lý mà đường trung tuyến được áp dụng dựa trên nó như thế nào. Các nguyên tắc trên đều dựa trên chu kỳ tự nhiện quay trở về trung tâm của chúng, và trong mỗi hành động luôn tồn tại lại sự phản ứng lại hành động đó

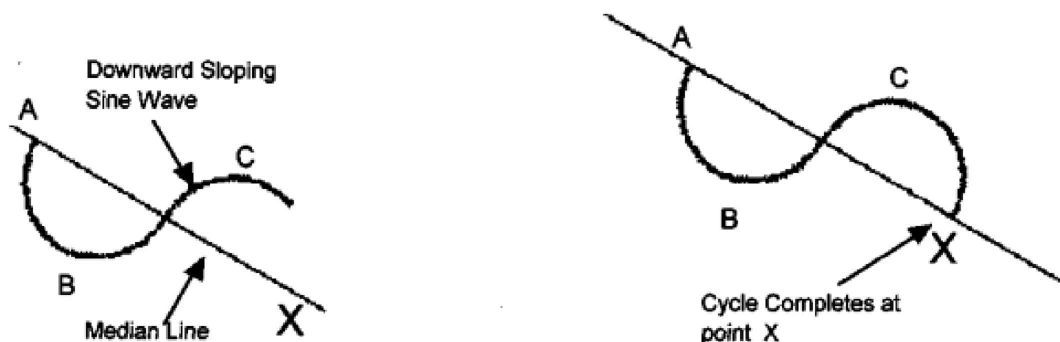




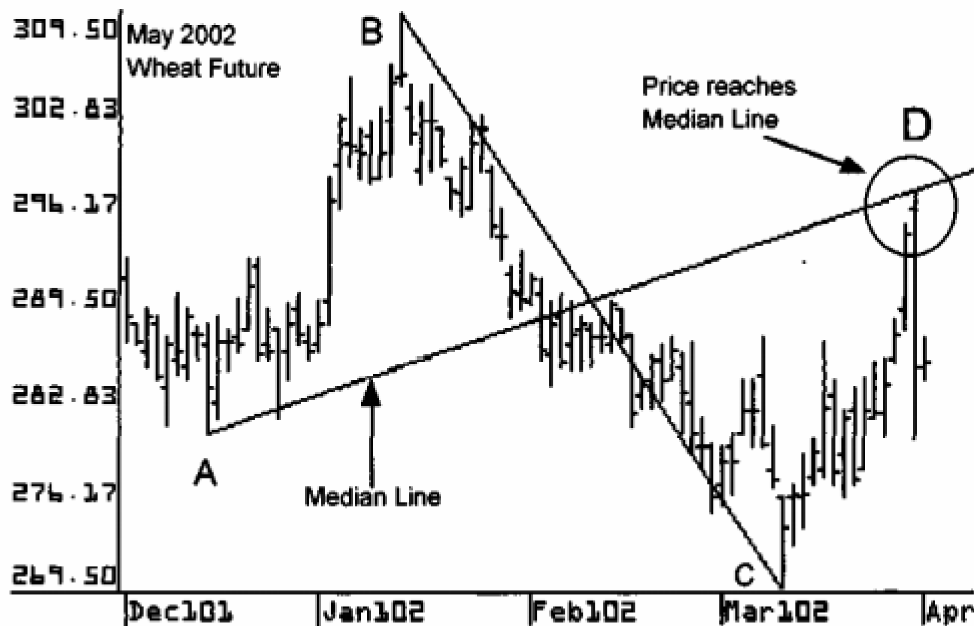
- Tại hình 1 ta thấy đỉnh và đáy của biều đồ cho ta thấy mô hình sóng sin chưa được hoàn chỉnh. Trong mô hình này, pivot A là điểm bắt đầu của đường Trung tuyến được kẻ qua trung điểm của đoạn BC. Tại hình 2 sóng sin đã di chuyển tiệm cận đến đường trung tuyến tại điểm X. Tại điểm X thì sóng sin đã hoàn thành chu kỳ của nó, Andrew tin rằng giá luôn có xu hướng quay trở lại đường Trug tuyến 80% thời gian



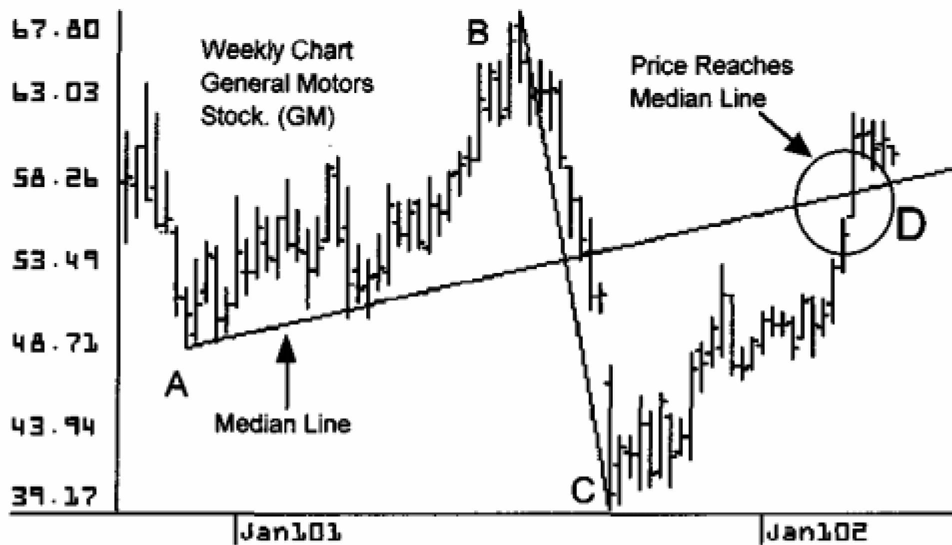




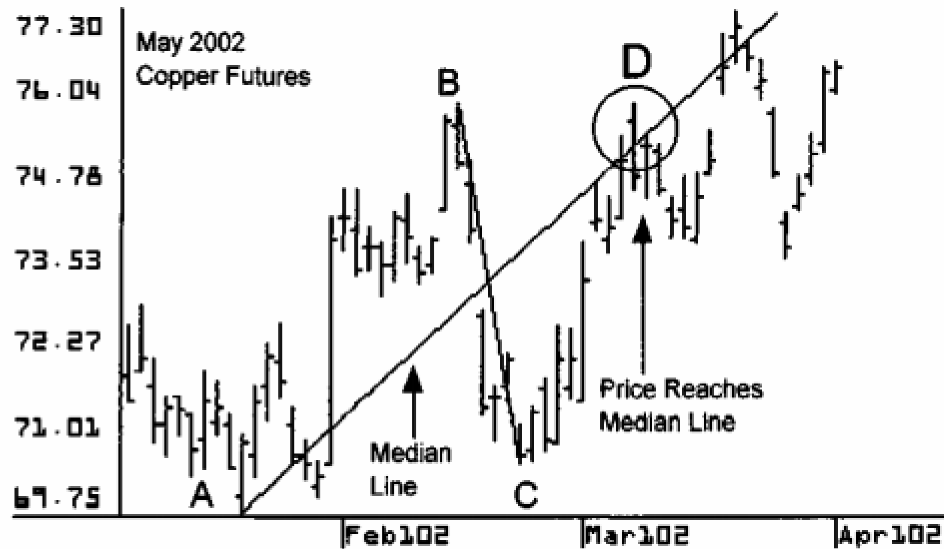
- Andrews đã làm một số nghiên cứu đường Trung tuyến những điều thực sự quan trọng đối với các trader. Chúng không hẳn là những nguyên tắc mà là những nghiên cứu của Andrews nhằm giúp đỡ các trader có thể hình dung được khi sử dụng đường trung tuyến
    - Nguyên tắc giao dịch đường trung tuyến 1: Khi đường trung tuyến được vẽ ra thì khoảng giá swing gần nhất mà giá sẽ hướng về đường trung tuyến được tính xấp xỉ là 80% thời gian
    - Nguyên tắc giao dịch đường trung tuyến 2: Khi giá tiến về đường trung tuyến, thường tạo ra các điểm pivot dựa trên điểm trung tuyến này
    - Nguyên tắc giao dịch đường trung tuyến 3: Khi giá tiến đến đường trung tuyến, giá có xu hướng tạo thêm một vài vùng giá swing quanh đường trung tuyến và chạm đường trung tuyến hơn một lần trước khi tiếp tục biến động
- Dưới đây là một vài ví dụ của nguyên tắc giao dịch dựa trên đường trung tuyến. Đây là biểu đồ ngày vào tháng 5/2002 của hợp đồng tương lại mì.



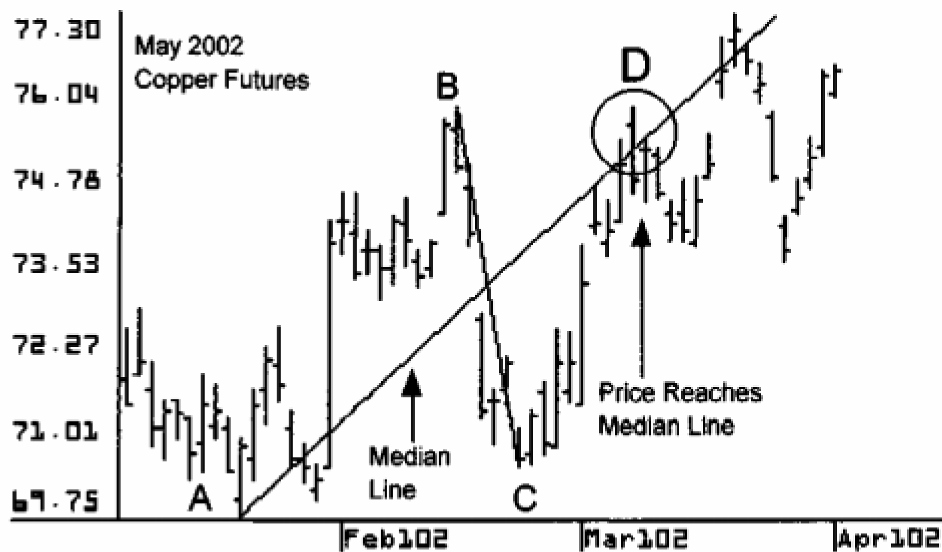
- Đường trung tuyến được vẽ sử dụng các điểm pivot A, B và C. Sauk hi tạo điểm pivot C giá có xu hướng tiến về đường Trung tuyến.Khi giá quay trở lại đường trung tuyến, đỉnh pivot được tạo lập (điểm D) và thị trường ngay lập tức có sự phản ứng ngược lại



- Biểu đồ trên là biểu đồ tuần của mã chứng khoán General Motor, mã GM. Một đường trung tuyến được kẻ sử dụng 3 điểm pivot A,B,C. Sau khi tạo lập Pivot C, Giá biến động tăng và tiến về đường trung tuyến tại điểm D

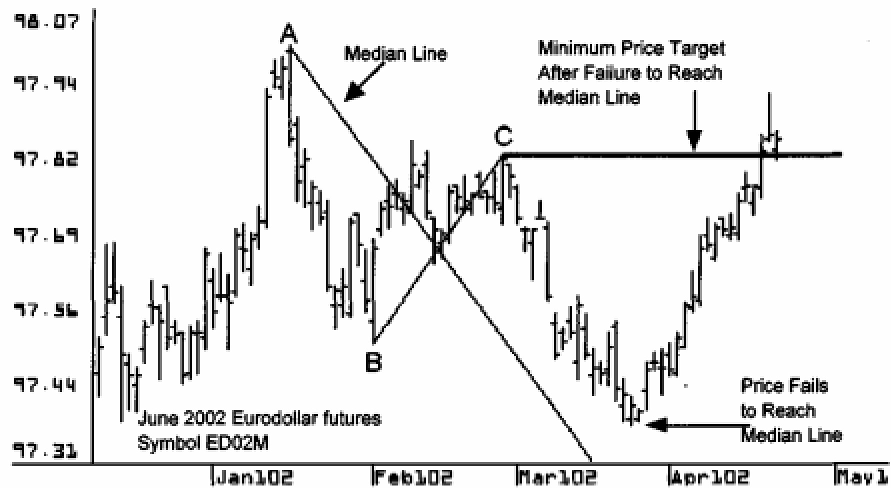


- Biểu đồ trên là biểu đồ của Đồng tương lại vào tháng năm 2002 với đường trung tuyến được vẽ dựa trên 3 điểm pivot A,B,C. Sau khi tạo lập pivot C giá đã trở lại đường trung tuyến tại điểm pivot D. Khi đường trung tuyến được vẽ từ vùng giá swing gần nhất, giá trở lại đường trung tuyến trong hầu như tất cả các trường trường hợp

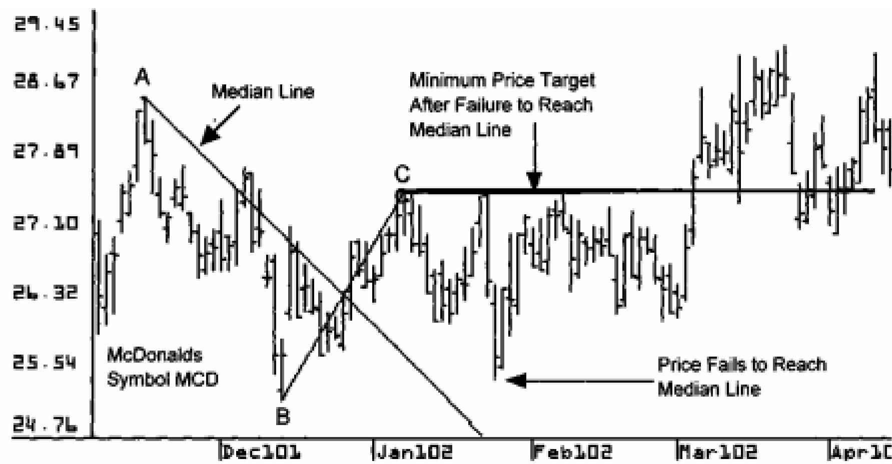


Nguyên tắc giao dịch theo đường trung tuyến 4:

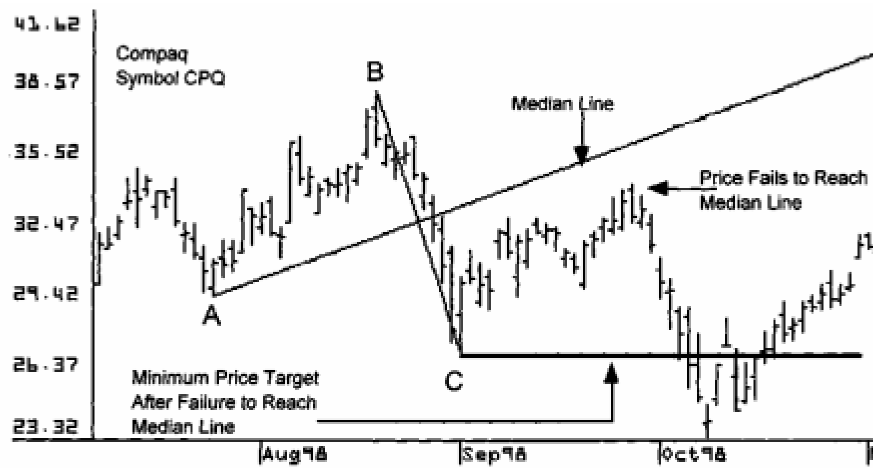
- Trong một số nghiên cứu của Andrews về đường trung tuyến với các tình huống giá không đạt kỳ vọng tiến tới đường trung tuyến. Andrews quan sát chỉ dẫn giá đảo chiều và biến động khoảng cách mạnh hơn so với khoảng cách của cùng giá swing trước đó. Với nghiên cứu này cho phép ta có thể tìm ra điểm kỳ vọng lợi nhuận ngay sau khi giá không đạt kỳ vọng vươn tới đường trung tuyến
- Nguyên tắc giao dịch theo đường trung tuyến 4:Nếu như giá không đạt kỳ vọng tiến tới đường trung tuyến và giá có xu hướng biến động ngược chiều trở lại và lớn hơn vùng giá swing lần trước.
- Trong biểu đồ EU tương lai tháng 6/2002 dưới đây. Biểu đồ cho thấy đường Trung tuyến được vẽ = cách sử dụng 3 điểm pivot A, B và C. Sau khi tạo lập Pivot C, giá bắt đầu giảm nhưng không đạt được tới kỳ vọng đường trung tuyến. Trong trường hợp giá không tiến tới được đường Trung tuyến thì điểm để kỳ vọng lợi nhuận đầu tiên sẽ chính là điểm Pivot C.



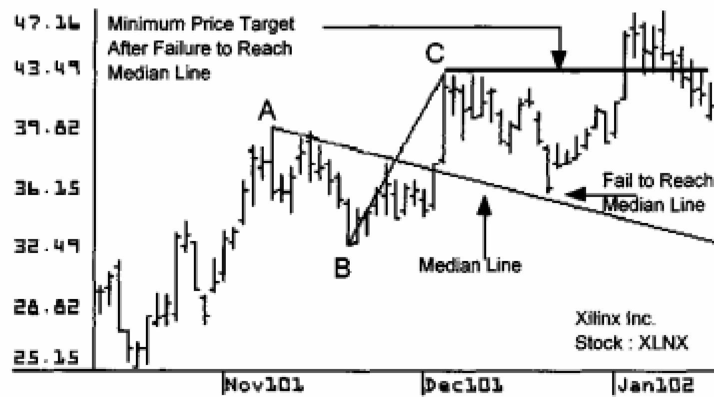
- Biều đồ trên cho thấy giá quay trở lại tăng vượt pivot C

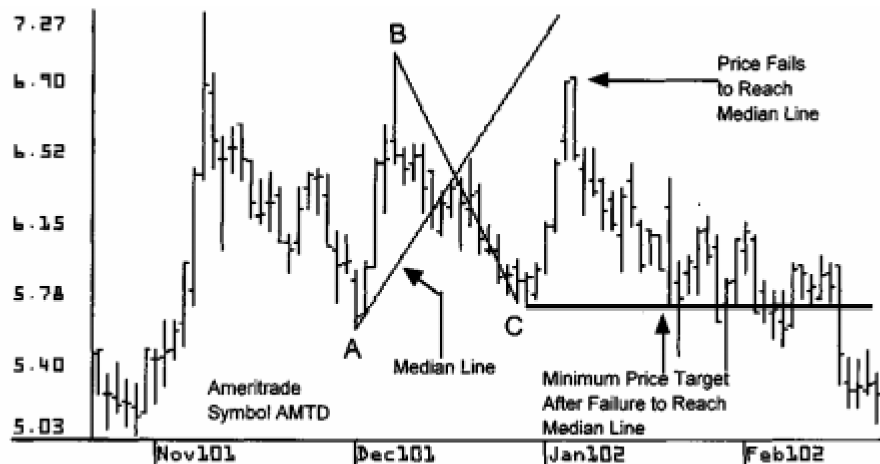


Giá tiếp tục không đạt kỳ vọng tiến tới đường trung tuyến và kết quả là giá đã tăng chạm Pivot C 2 lần trước khi beak ra khỏi Pivot C



- VÍ dụ ngược lại cho giá giảm, giá tăng không đạt kỳ vọng tới đường trung tuyến và giảm xuống điểm pivot C
- Một số ví dụ khác



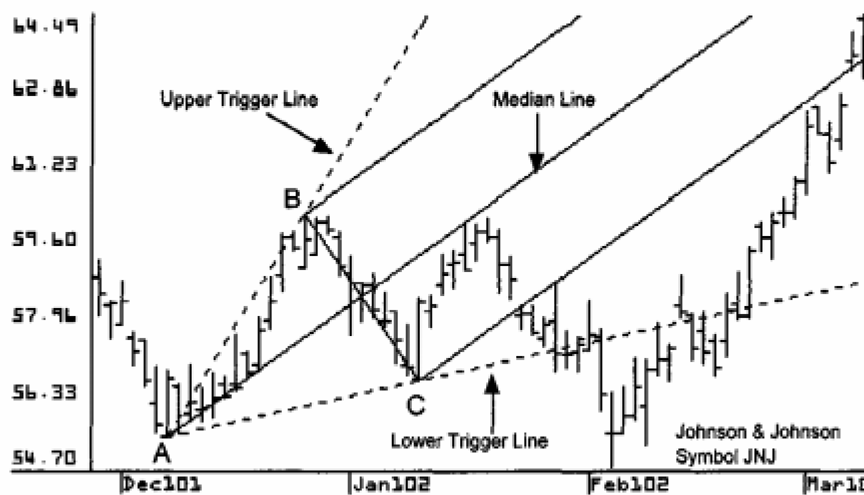


Trendline dĩa (hai đường trendline song song trên và dưới)

- Biểu đồ dưới cho ta thấy đường trung tuyến được kẻ dựa trên 3 điểm pivot A,B và C. Sau khi vẽ được đường trung tuyến này, Andrew vẽ thêm 2 đường thẳng song song dựa trên Pivot B và C và tạo ra đường song song cao hơn và thấp hơn, 3 đường song song này được coi là trendline dĩa của Alan Andrews

Trigger Lines: Đường hành động (giao dịch)

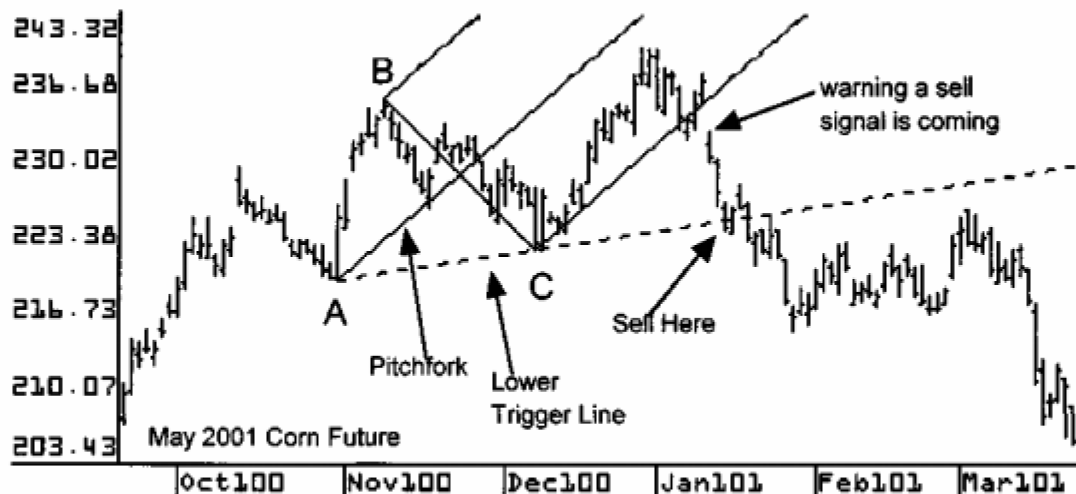
- Andrews sử dụng những đường kẻ trong hình dưới dây nhưng cũng không đặt tên cho nó là gì. Có thể gọi nó với cái tên thích hợp là đường giao dịch.



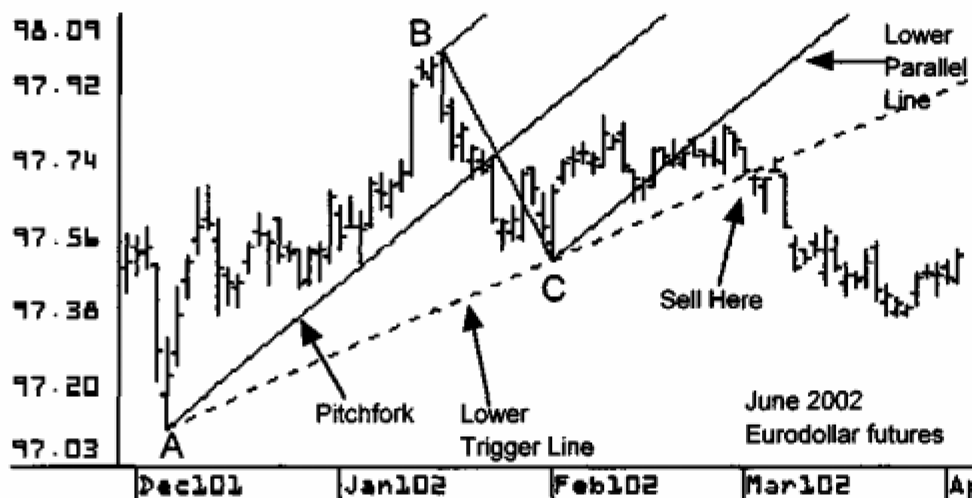
- Trong hình trên ta có trendline dĩa dạng chuẩn được vẽ dựa trên 3 điểm Pivot A,B và C. Xuất hiện thêm 2 đường mới được kẻ thêm vào trên nguyên tắc nối từ Pivot A với Pivot B ta được đường giao dịch trên, nối từ pivot A với Pivot C ta có đường giao dịch dưới.
- Sử dung với một vài nguyên tắc giao dịch thì 2 đường giao dịch này cho ta tín hiệu Mua (long) hoặc Bán (Short)

Nguyên tắc giao dịch sử dụng trendline dĩa và đường giao dịch

- Dưới đây là một số nguyên tắc Andrews đã cung cấp trong việc sử dụng trendline dĩa và đường giao dịch
    - Nguyên tắc buy 1:Khi kẻ trendline dĩa hướng xuống, giá phá lên trên đường song song trên, lúc này đã cho ta chỉ dẫn về một tín hiệu buy
    - Nguyên tắc sell 1:Khi kẻ trendline dĩa hướng lên, giá phá đóng cửa dưới đường song song dưới, lúc này cho ta chỉ dẫn về một tín hiều Sell
    - Nguyên tắc Buy 2: Trong một trendline dĩa kẻ xuống và một đường giao dịch trên. Nếu như giá không đạt kỳ vọng đến đường trung tuyến và hồi phục. Sau đó giá phá lên trên đường giao dịch trên cho ta tín hiệu Buy
    - Nguyên tắc Sell 2: Trong một trendline dĩa tăng với đường giao dịch dưới. Chỉ vào lệnh sell khi giá không đạt kỳ vọng tới đường trung tuyến và sau đó giảm và phá đóng cửa dưới đường giao dịch dưới. Lúc này ta đã có tín hiệu sell.
- Một vài ví dụ

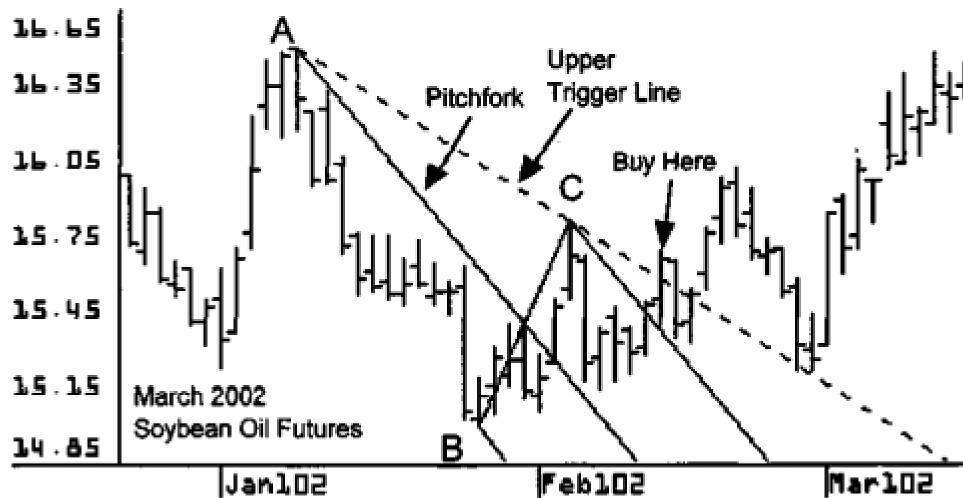


- Hình trên ta có một Trendline dĩa được vẽ dựa trên 3 pivot A,B,C và một đường giao dịch dưới. Bắt đầu tăng từ Pivot C nhưng không đến được đích là đường trung tuyến. Khi giá phá đóng cửa dưới đường trendline dĩa dưới, có thể coi đó là một chỉ dẫn cho tín hiệu Sell sớm và khi giá tiếp tục giảm phá đóng cửa dưới đường giao dịch dưới AC, ta sẽ Sell tại đây.

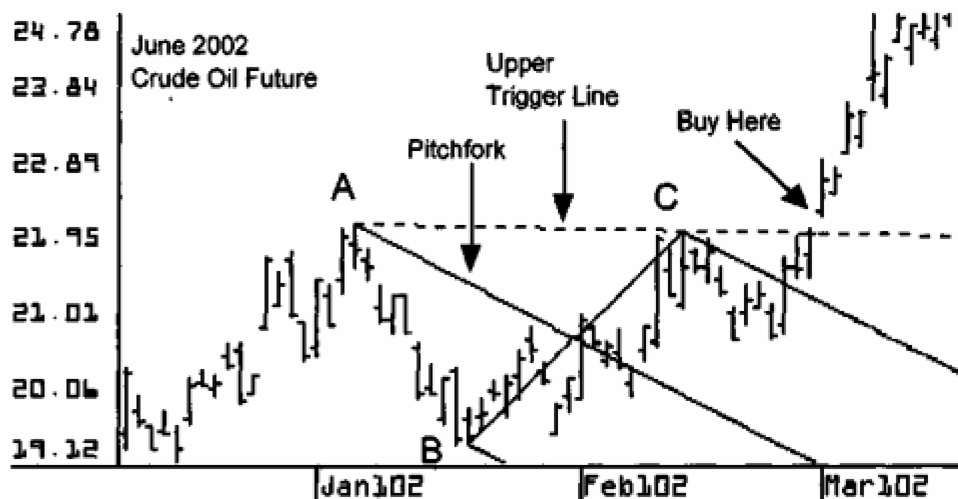


-

- Chart EU tương lai trên cũng được vẽ một trendline dĩa sử dụng 3 pivot A,B,C và một đường giao dịch dưới AC. Giá tăng bắt đầu từ pivot C và không đạt được tới đường trung tuyến. Khi giá phá đóng cửa dưới trendline dĩa dưới (Lower Parallel Line=LPL) ta có chỉ dẫn cho một tín hiệu sell sớm và khi giá phá đóng cửa đường giao dịch dưới thì tín hiệu sell đã rõ rang.

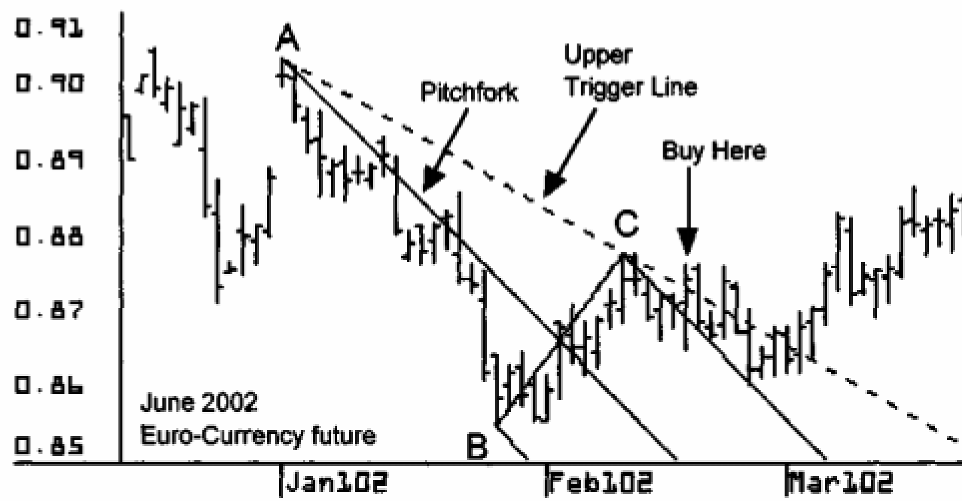


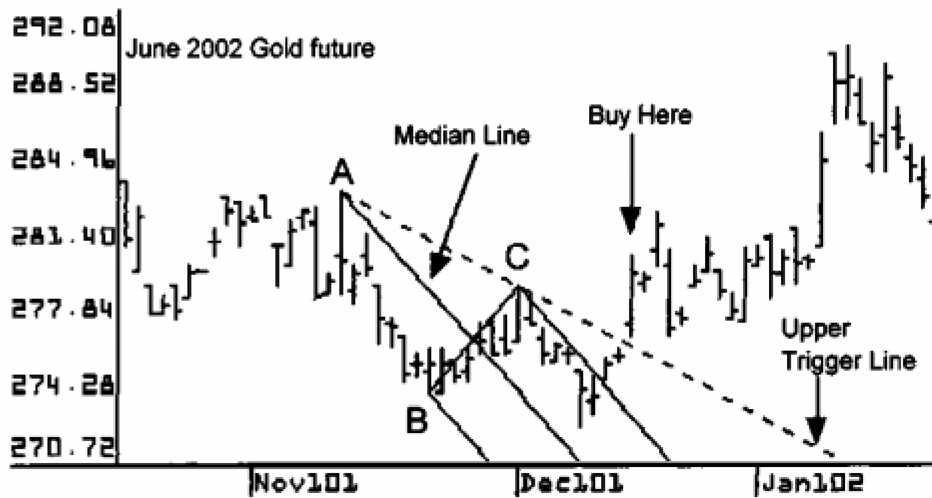
- Hình trên ta thấy rằng khi tạo lập pivot C giá giảm và không đạt tới đường trung tuyến. Giá tăng trở lại và đóng cửa trên đường trendline dĩa trên cho ta một tín hiệu buy sớm và khi giá phá đóng cửa trê đường giao dịch trên thị tín hiệu buy đã hoàn thành.

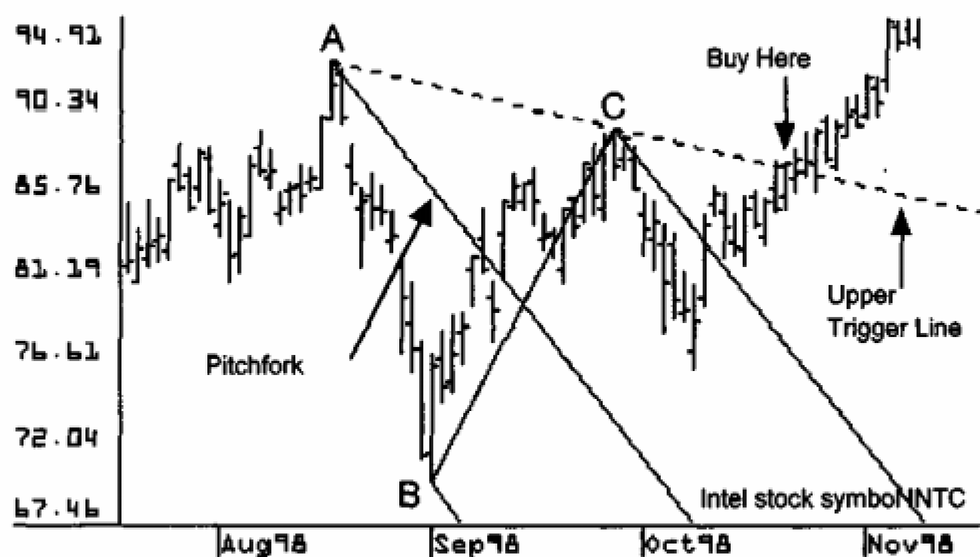


- Biểu đồ Oil tháng 6/2002, Sauk hi tạo lập Pivot C giá giảm nhưng không đạt kỳ vọng tới đướng trung tuyến mà tăng trở lại đóng cửa trên đường trendline dĩa trên, cho ta một tín hiệu buy sớm, ta chỉ buy khi giá đóng cửa trên đường giao dịch trên AC

- Một vài Ví dụ minh họa khác

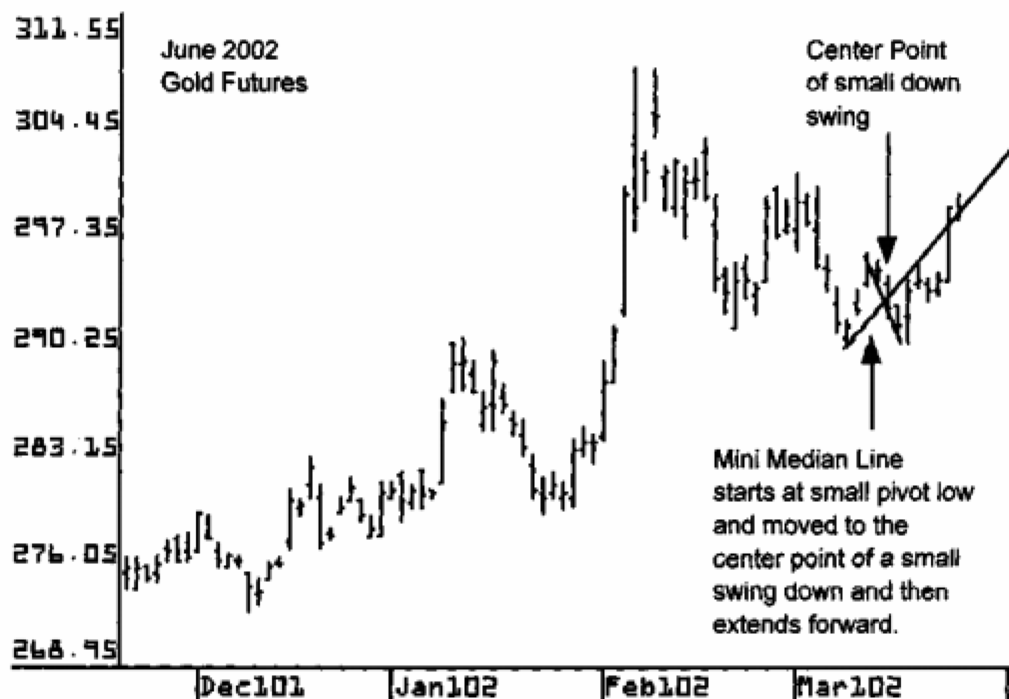

A
Pitchfork
Upper
Trigger Line
Buy Here
C
B
June 2002
Euro-Currency future
0.91
0.90
0.89
0.88
0.87
0.86
0.85
Jan102
Feb102
Mar102


June 2002 Gold future
Median Line
Buy Here
A
C
B
Upper
Trigger Line
292.08
288.52
284.96
281.40
277.84
274.28
270.72
Nov101
Dec101
Jan102

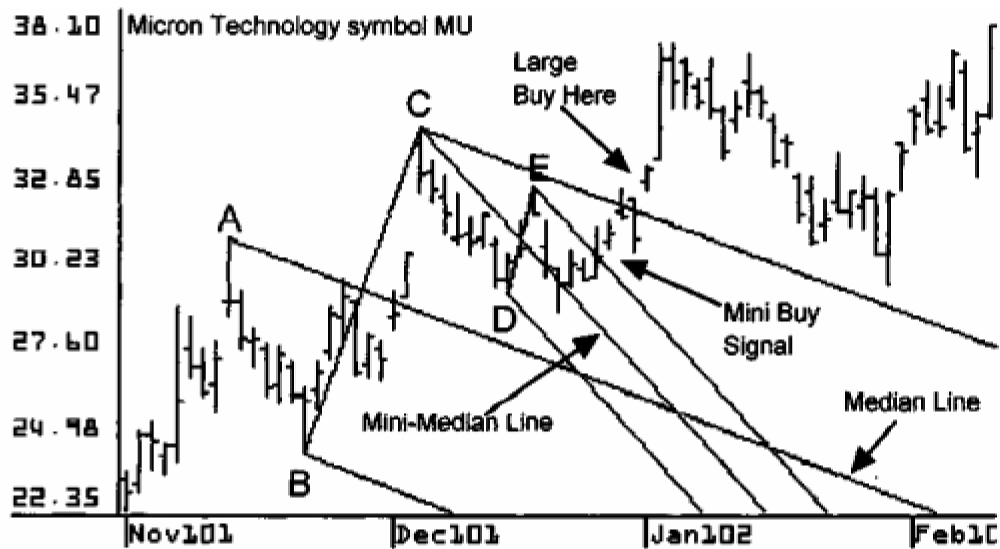


MINI-MEDIAN LINE: ĐƯỜNG TRUNG TUYẾN NHỎ

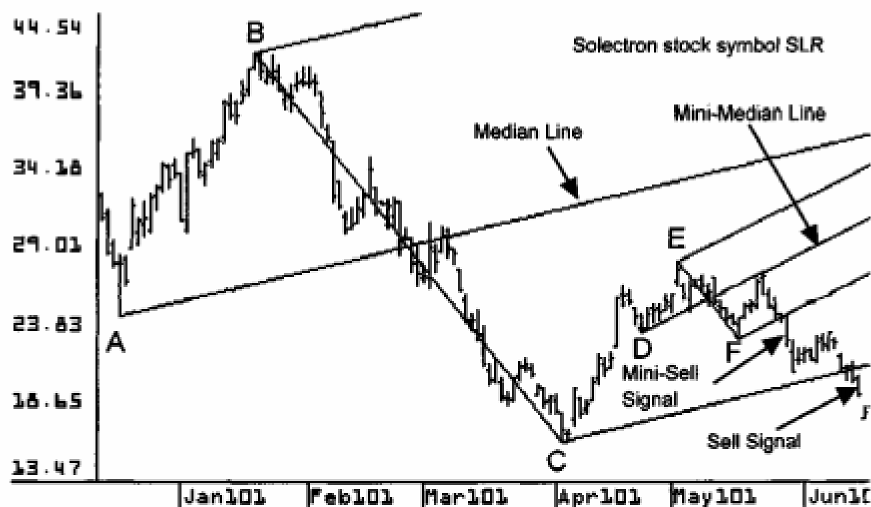
- Một loại đường trendline của Andews nữa được gọi là đường trung tuyến nhỏ. Cách kẻ đường trung tuyến này cũng tương tự như bất kỳ đường trung tuyến nào nhưng nó được kẻ dựa trên những pivot rất nhỏ.



- Biểu đồ trên cho ta thấy được cách kẻ đường trung tuyến nhỏ, Số lượng bar (nến) được sử dụng để vẽ đường TT này là số lượng 7 bars. Số lượng của bar của vùng giá swing (BC) để kẻ đường trung tuyến nằm trong khoảng từ 2 đến 5 bar. Đường trung tuyến nhỏ đưa vào biểu đồ nhằm mục đích tìm những tín hiệu sớm hơn cho đường trung tuyến lớn hơn. Tín hiệu của đường TT nhỏ được sử dụng nhằm mục đích tìm chỉ dẫn sớm hơn cho việc định hình đường trung tuyến lớn
    - Nguyên tắc Buy: Tương tự nguyên tắc của đường TT đã đề cập ở trên
    - Nguyên tắc Sell: Tương tự nguyên tắc của đường TT đã đề cập ở trên
- Ví dụ

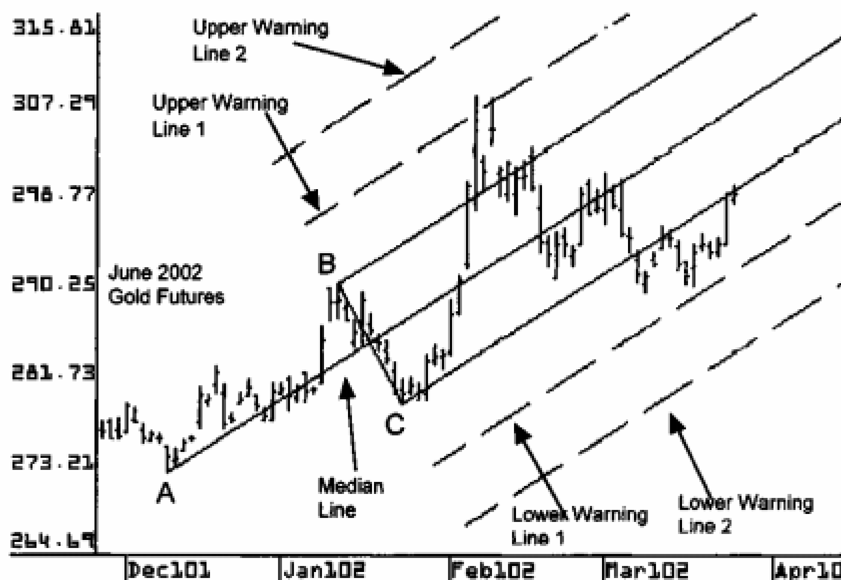


    - Ta thấy trên hình có 2 trendline dĩa, hoàn thành mô hình cho tín hiệu buy ở trendline dĩa nhỏ cho ta tín hiệu buy sớm hơn



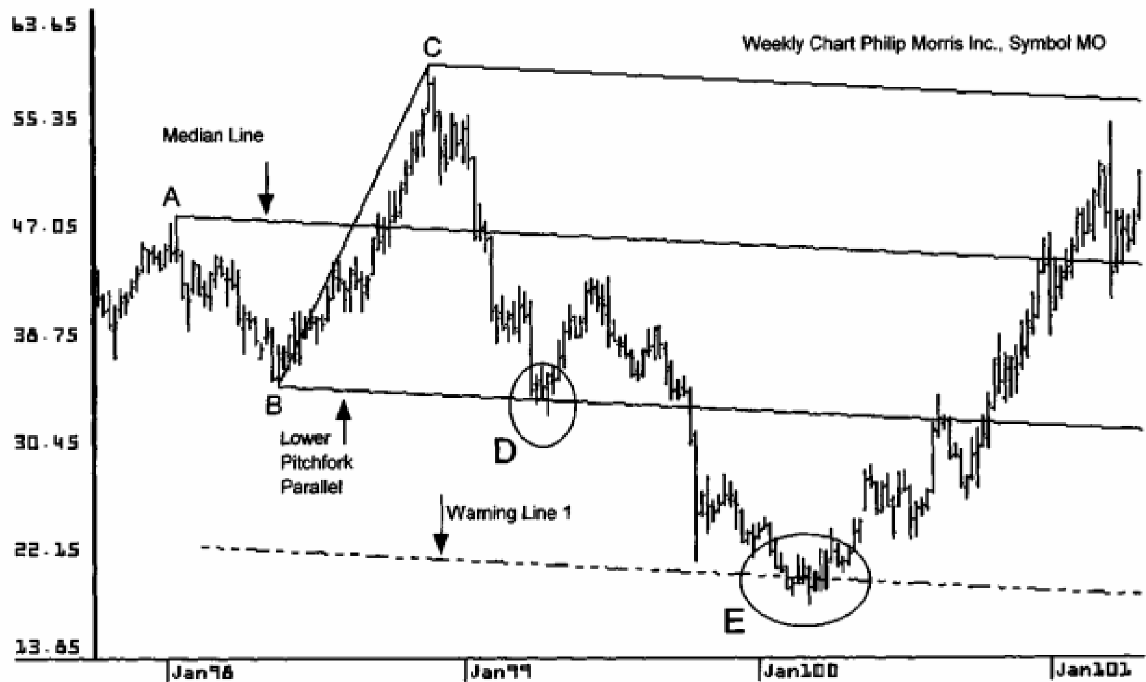
ĐƯỜNG CẢNH BÁO

- Sau mỗi đường trenline dĩa trên hoặc dưới, Andrews vẽ thêm các đường kẻ song song trên và dưới hai đường này. Những đường kẻ thêm này có tên gọi là đường CẢNH BÁO.

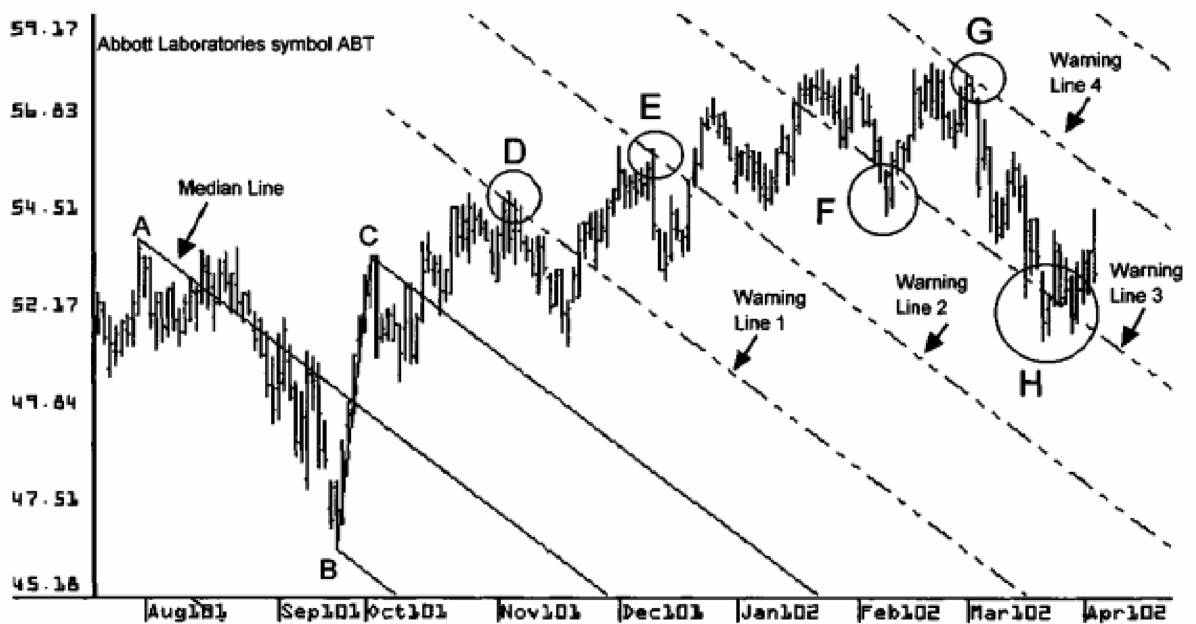


- Trong biểu đồ trên ta đã thấy thêm 2 đường cảnh báo cho mỗi chiều. Khoảng cách đường cảnh báo này bằng đúng khoảng cách từ đường trung tuyến tới đường trendline dĩa trên hoặc dưới

- Biểu đồ trên cho ta thấy Trendline dĩa được kẻ qua 3 điểm pivot A,B,C, giá tăng không chạm tới đường trung tuyến khi giá giảm và phá đóng cửa dưới đường giao dịch dưới, tín hiệu sell đã rõ rang và sau đó giảm đột ngột và tạo một đáy nhọn thẳng tại đường cảnh báo 3 điểm D.Khi giá bắt đầu tăng từ đáy D, giá đã tạo thêm một lần đáy tại đường cảnh báo tại điểm E,G,H và tạo thêm đỉnh tại đường cảnh báo F,I. Như vậy sau khi tạo lập đáy D, đường cảnh báo 2-3 được dung như một kênh xu hướng cho tới khi giá phá dưới đường cảnh báo 3 và giam xuống đường cảnh báo 4 tại điểm G, lúc này đường 3-4 sẽ đóng vai trò kênh xu hướng

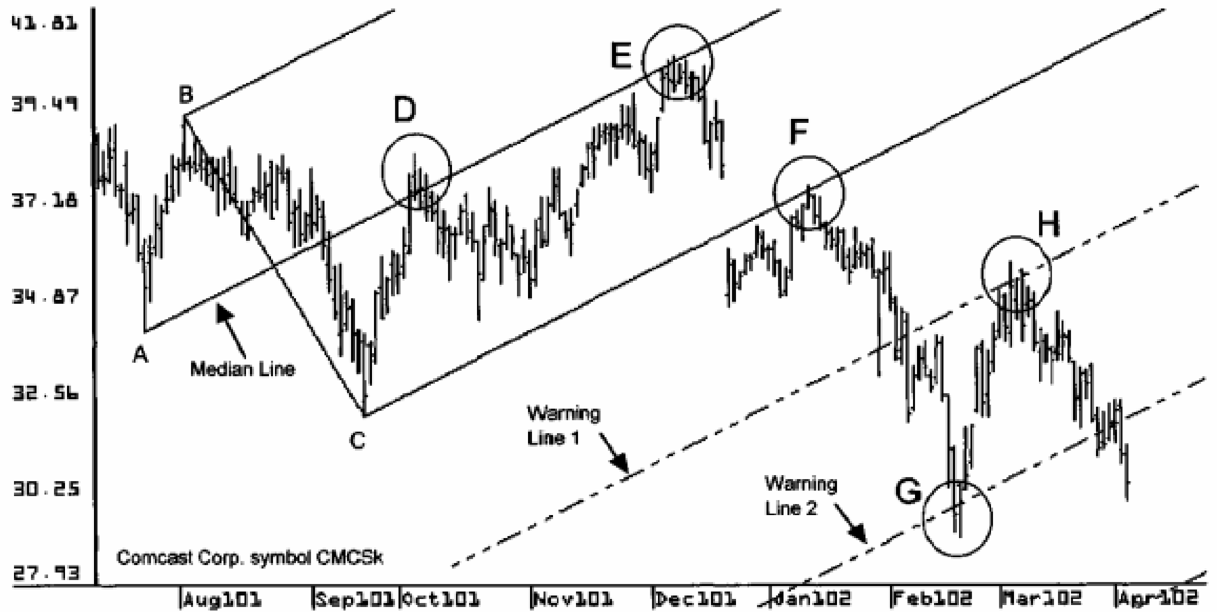


- Hình trên là biểu đồ tuần Phillip Morris có mã CK là MO. Một trendline dĩa và một đường cảnh báo 1 đã được vẽ dựa trên 3 pivot A,B,C. Sau khi tạo lập Pivot C giá bắt đầu giảm với 2 nhịp sóng. Nhịp đầu tiên kết thúc tại điểm D nằm ngay trên trendline dĩa dưới, Nhịp sóng 2 tạo đáy tại điểm E, sau khi tạo đáy tại đường cảnh báo 1 giá bắt đầu tăng liên tục trong hầu như cả năm

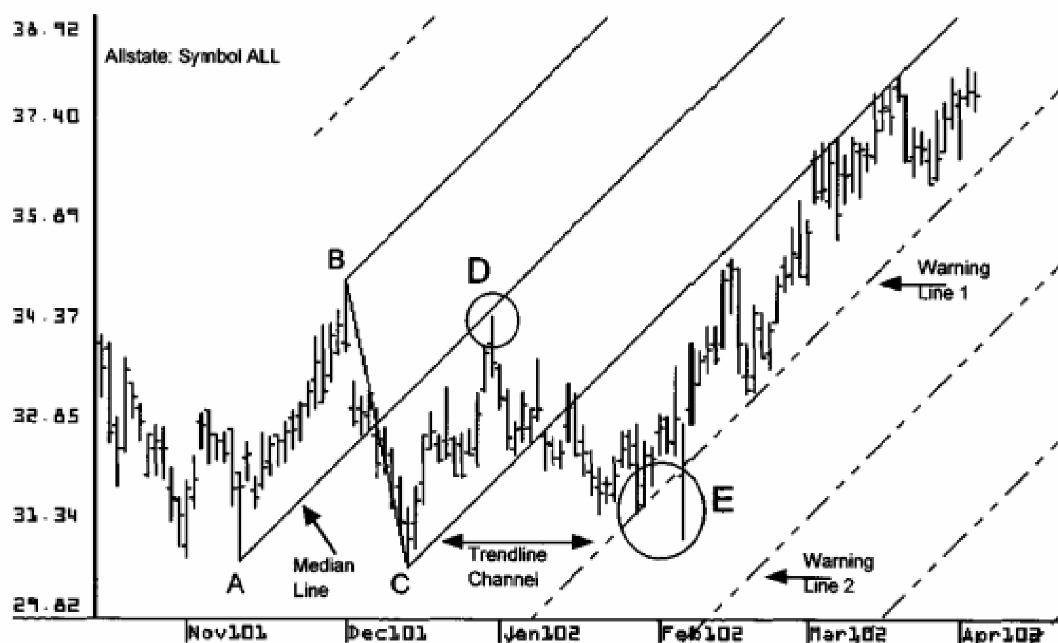


- Biểu đồ CK trên của Abbort Laboratories được biểu thị bằng 1 trendline dĩa và 4 đường cảnh báo trên được kẻ dựa trên 3 điểm Pivot A,B,C. Sauk hi tạo Pivot C

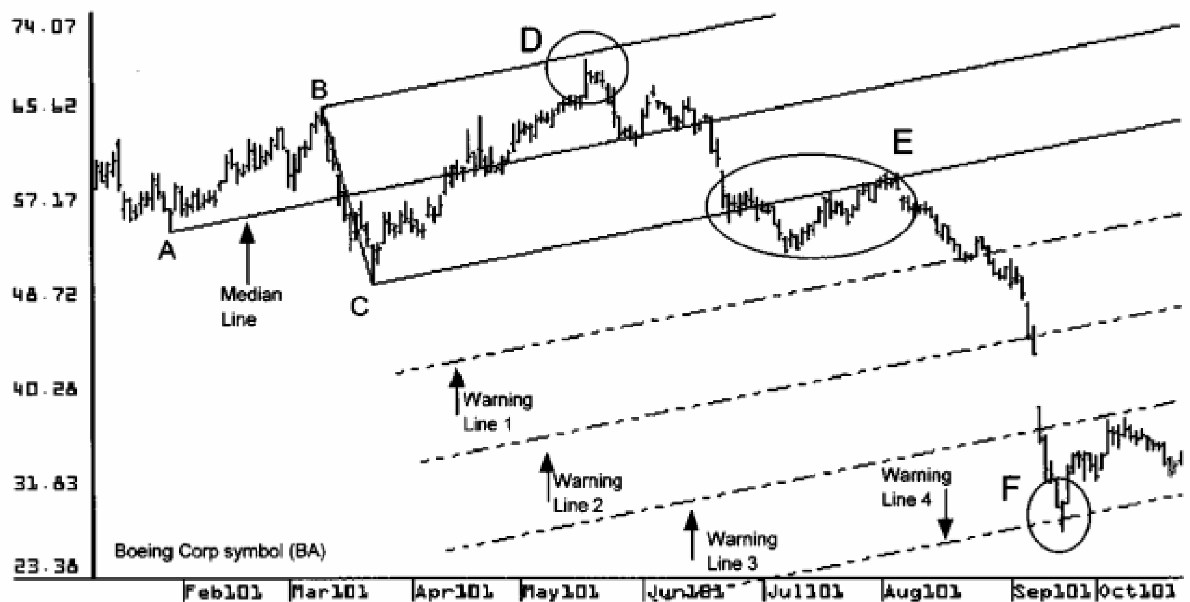
giá giảm nhưng không đạt được tới đường trung tuyến - Một chỉ dẫn sức mạnh của thị trường. Khi giá tăng và tạo đỉnh mới tại đường cảnh báo 1 ddiemr D và sau đó tới đường cảnh báo 2 điểm E và cứ thế đạt tới đường cảnh báo 4 ddiemr G. Thị trường cũng tạo 2 đáy tại đường cảnh báo 3 điểm F và H



- Biểu đồ trên, Trendline dĩa được kẻ ới 2 đường cảnh báo. Sauk hi tạo lập pivot C, giá tạo đỉnh tại điểm D chạm đường trung tuyến và tiếp tục tạo thêm một đỉnh mới ở điểm E chạm đường trung tuyến. Sauk hi tạo đỉnh E, giá rơi thẳng xuống và tiếp tục tạo đỉnh tại đường trendline dĩa dưới điểm F sau đó rơi sâu xuống đường cảnh báo 2 điểm G, cuối cùng giá tăng và tạo đỉnh đập trở lại đường cảnh báo 1 tại điểm H. Như vậy ta có thể thấy rằng vùng giá swing đỉnh hoặc đáy đều có xu hướng đập vào 1 trong các đường trendline dĩa và đường cảnh báo



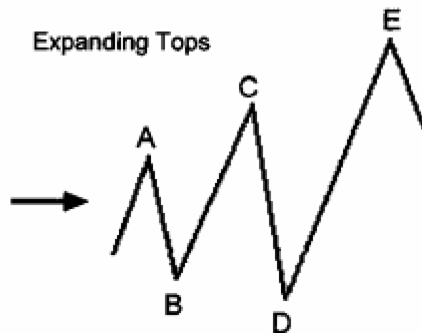
- Hình trên lại là một ví dụ hết sức đơn giản với đường trendline dĩa và một số đường cảnh báo được kẻ dựa trên các Pivot A,B,C. Sauk hi tạo Pivot C giá tăng trở lại đường trung tuyến điểm D và rơi xuống đường cảnh báo 1 tại điểm E và tạo đáy tại đó. Sauk hi tạo đáy tại đây thì đường cảnh báo 1 và đường trendline dĩa dưới đóng vai trò như kênh xu hướng tăng bắt đầu từ điểm E



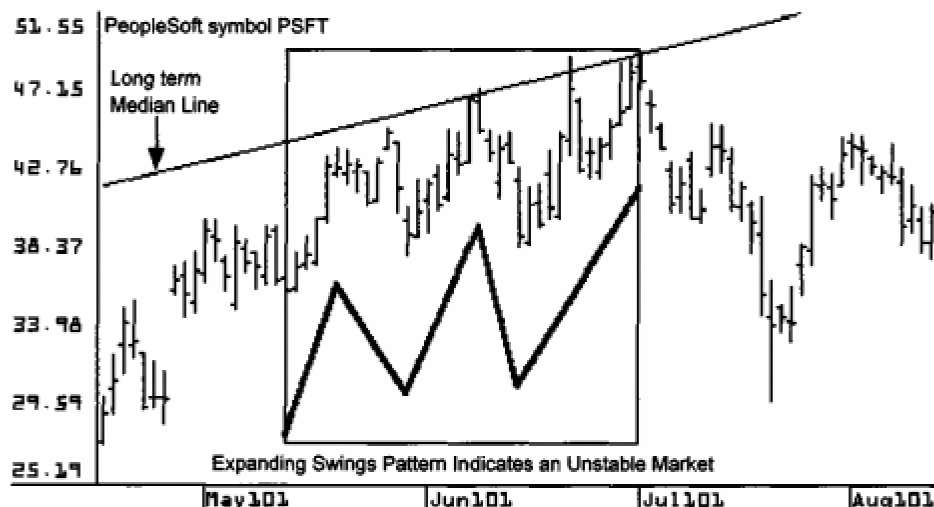
- Hình trên ta thấy sau khi tạo pivot C giá tăng gần chạm đường trendline dĩa trên điểm D sau đó giảm và tạo một quá trình sideway tại đường trendline dĩa dưới điểm E. CUối cùng giá giảm đột ngột tới tận đường cảnh bảo 4 và tạo đáy tại điểm F. Điều này cho ta thấy trendline dĩa và đường cảnh báo giúp ta định hình đường vùng giá swing
-

MÔ HÌNH GIÁ SWING MỞ RỘNG

- Có duy nhất một mô hình mà Andrews xem như quan đủ quan trong được tính đến trong các khóa huấn luyện đó chính là mô hình giá swing mở rộng được mô tả trong biểu đồ dưới đây



- Mô hình này xảy ra khi một loạt các vùng giá swing tăng liên tục. Trong biểu đồ trên có thể nhận ra rằng vùng giá swing từ B đến C lơn hơn vùng giá swing từ A đến B, CD> BC và cuối cùng là DE>CD. Andrews tin rằng mô hình này hoàn chỉnh trên thị trường thì nó trở nên không ổn định và sớm bị đổ vỡ đảo chiều xuống



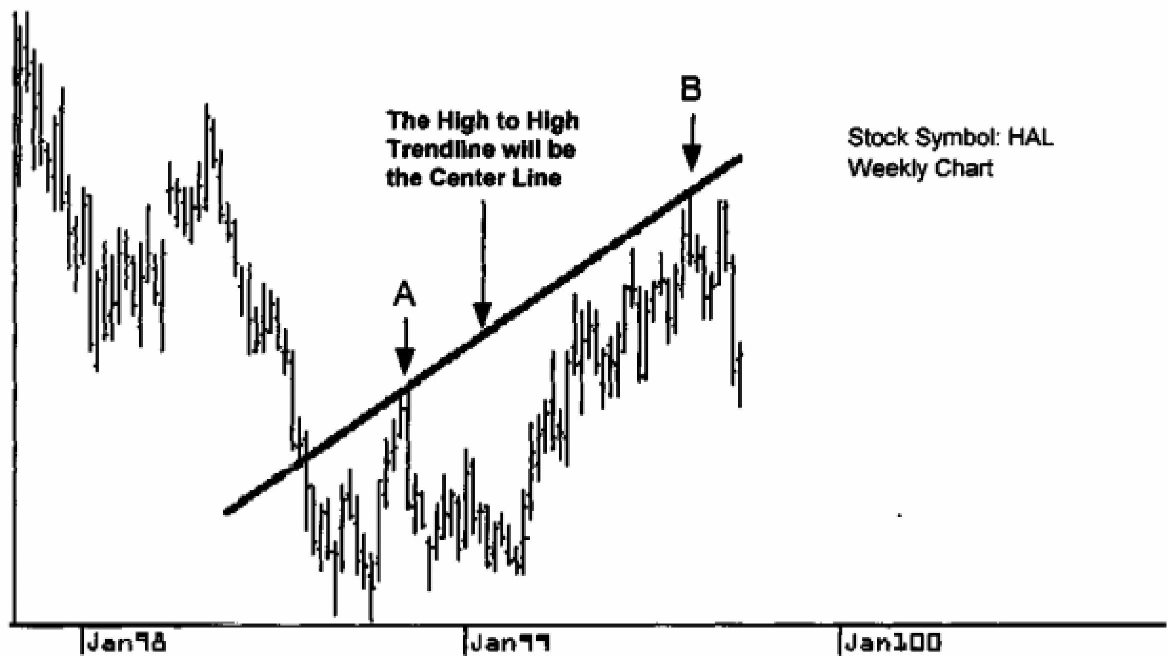
- Biểu đồ trên là một ví dụ về mô hình swing mở rộng. Đây là dạng mô hình đỉnh cao và thường xảy ra khi thị trương ngày càng biến động hơn bình thường. Loại mô hình này báo hiệu rằng thị trường đang không ổn định và xu hướng phá xuống đang được hình thành

PHƯƠNG PHÁP PHẢN ỨNG LẠI THỊ TRƯỜNG 1

- Trong các buổi hội thảo của Andrews về khóa học phản ứng lại thị trường, Andrews từng nói rằng nếu như trader hiểu được phương thức duy nhất này họ có thể kiếm được lợi nhuận hàng triệu $

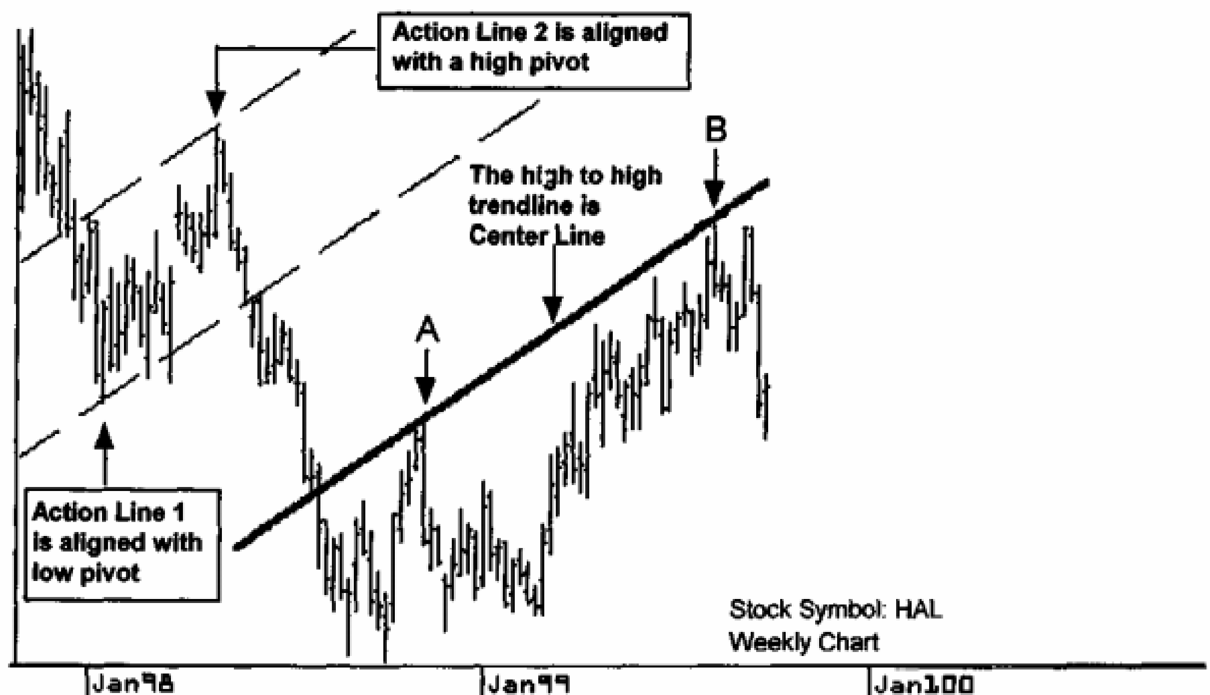
  Bước 1: Đường trung tâm

  - Phương pháp phản ứng lại thị trương 1 sử dụng những loai đường kẻ khác nhau. Đường trung tâm, đường hành động và đường phản ứng. Bước đầu tiên áp dụng phương pháp này để tính toán vẽ đường trung tâm. Đường trung tâm có thể là đường Trung tuyến, đường trendline hoặc đường pivot đa điểm. Đường trung tâm không thể là một trong những đường song song như đường song song trên hoặc dưới của trendline dĩa hoặc đường cảnh báo.

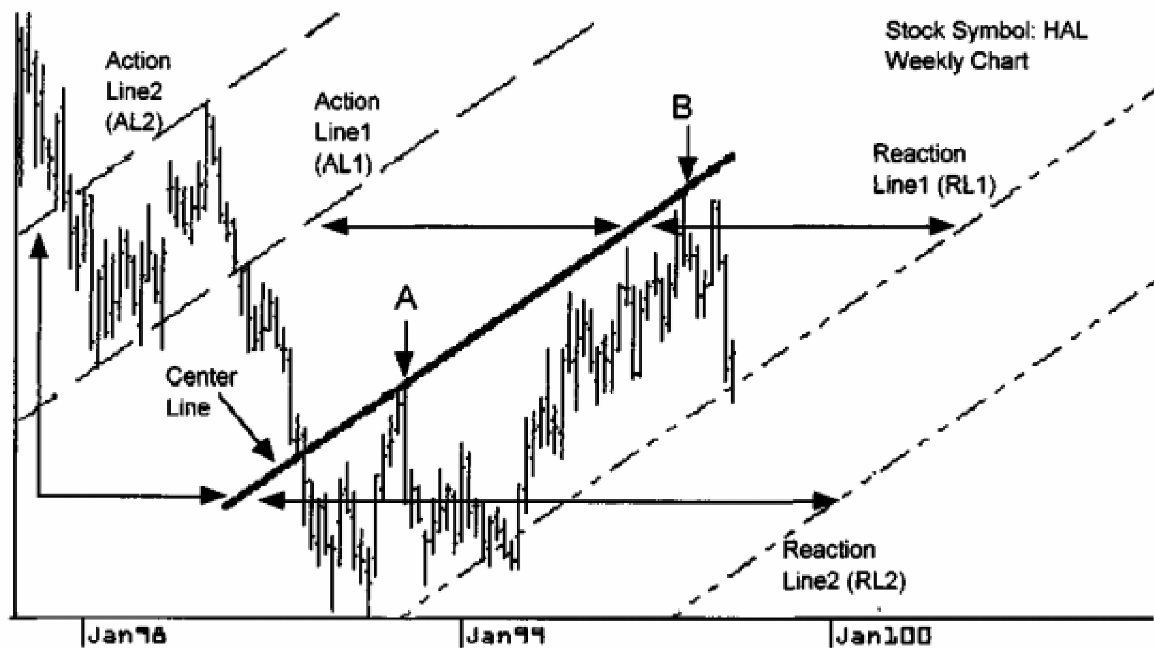


- Biểu đồ tuần của mã cổ phiếu HAL trên cho ta thấy một đường trendline cơ bản được nối từ pivot A tới Pivot B. Đường trendline A-B này được sử dụng như một đường trung tâm.

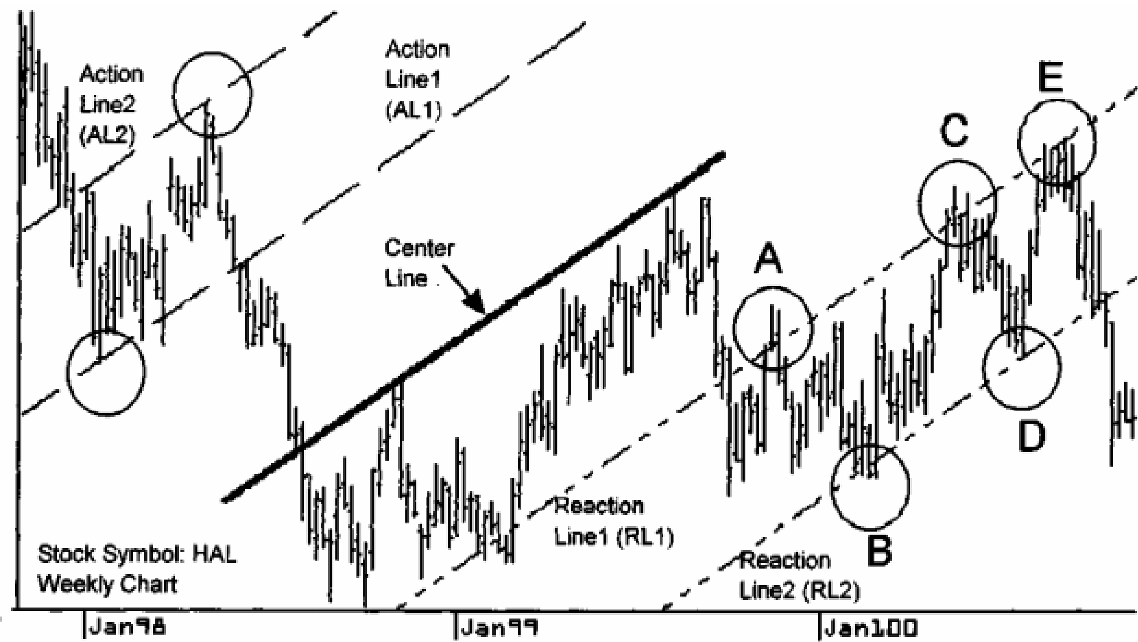
- Bước 2: Đường hành động



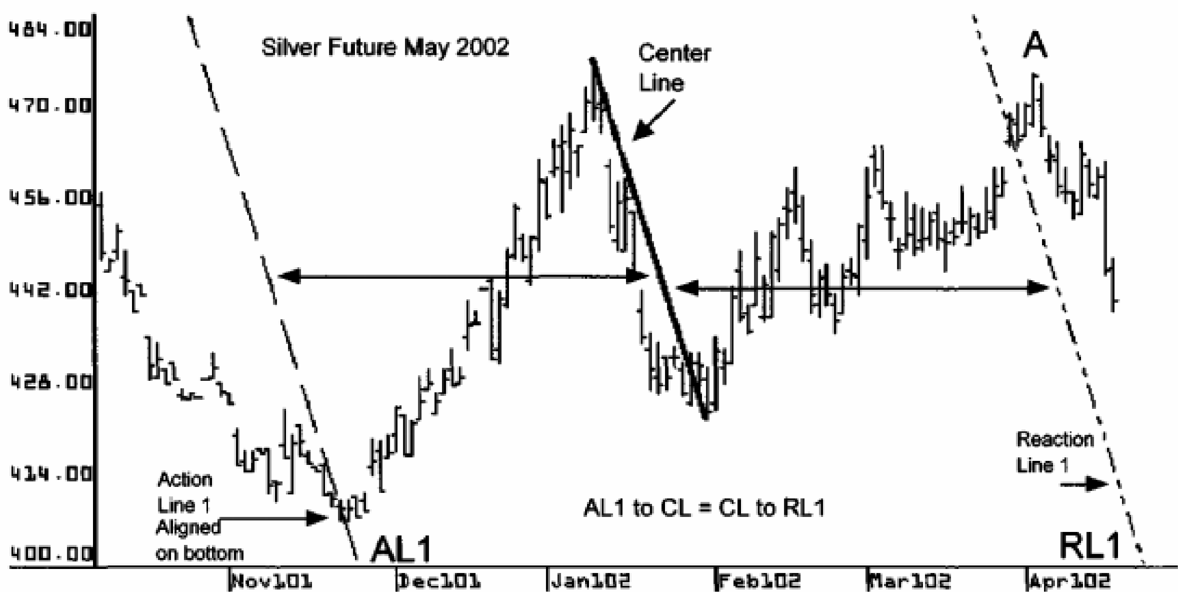
- Biểu đồ trên cũng là biểu đồ của HAL ta dung ở trên. Đường trendline A-B là đường trung tâm dung cho phương pháp phản ứng lại thị trường. Phương pháp này trong thị trường tài chính rất đơn giản được hiểu là sự phản ứng lại thị trường. Hành động là phần lịch sử bên trái của biểu đồ của đường trung tâm và phần phản ứng lại thị trường là phần lịch sử của biểu đồ bên phải của đường trung tâm. Cũng theo Andrews lịch sử chu kỳ và pivot phía bên trái đường trung tâm có liên quan đến phản ứng trong tương lai của phần bên phải đường trung tâm.
- Đường hành động được kẻ có cùng độ dốc với đường trung tâm. Đường hành động được kẻ phía phần bên trái của đường trung tâm tại nơi tạo các đỉnh hoặc đáy Pivot. Trong biểu đồ trên, đường hành động 1 có vị trí được tại điểm đáy pivot và đường hành động 2 có vị trí là đỉnh của một pivot.



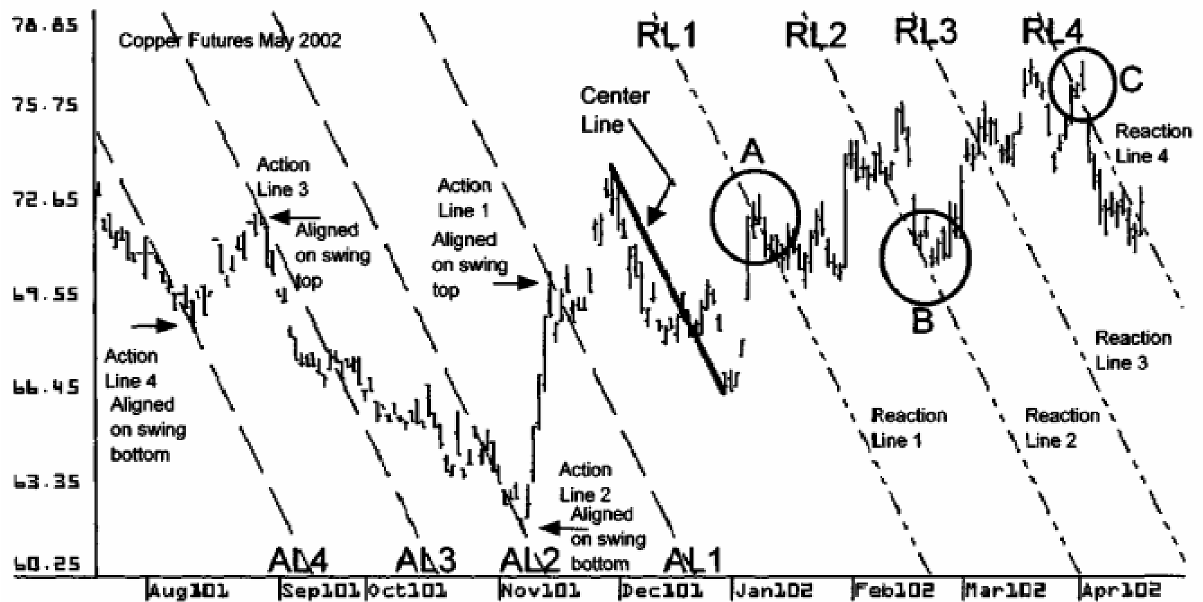
- Hành động là phần lịch sử biến động của biểu đồ giá, trong khi đó phản ứng lại hành động lại là tương lai của biến động giá. Để vẽ đường phản ứng ta sử dụng khoảng cách của của đường trung tâm tới đường hành động 1. Khi đó đường phản ứng là đường song song với đường trung tâm và có độ dài tương đương với khoảng cách giữa hai đường trung tâm và đường hành động. Để kẻ đường phản ứng 2 ta cũng tương tự sử dụng đường hành động 2. Lưu ý là đường phản ứng luôn phải có độ nghiêng tương tự đường trung tâm.



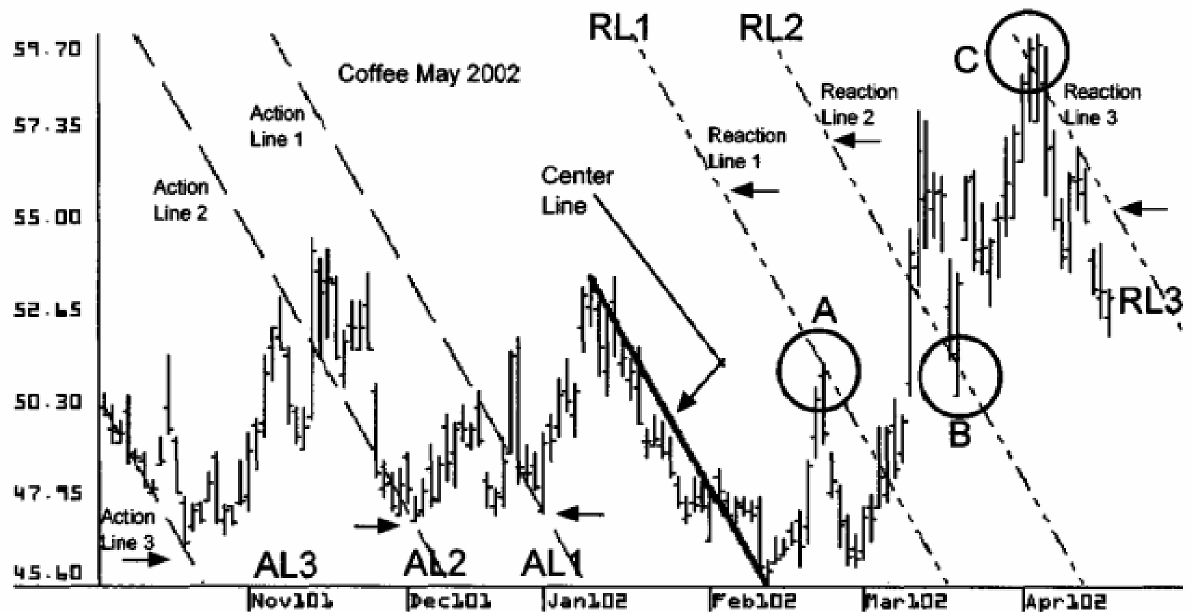
- Biểu đồ trên vẫn là biểu đồ của HAL ta đang dung ở trên. Quá trình chuyển động giá đã hoàn thành. Dựa trên đường hành động 1, ta có 3 vùng giá swing tại các đỉnh A,C,E, các điểm này được tính dựa trên các pivot của đường hành động trước đó. Tương tự ta cũng có 2 đáy pivot dựa trên đường phản ứng 2. Đường phản ứng này tính ra dựa trên đường hành động 2. Như vậy phương pháp phản ứng lại thị trường của Andrews là nơi mà quá khứ biểu đồ xác nhận các điểm pivot, và dựa trên các điểm này vẽ ra đường hành động. Đây là căn cứ để tính ra các đường phản ứng hay các mức giá trong tương lai có thể đạt được.

- 

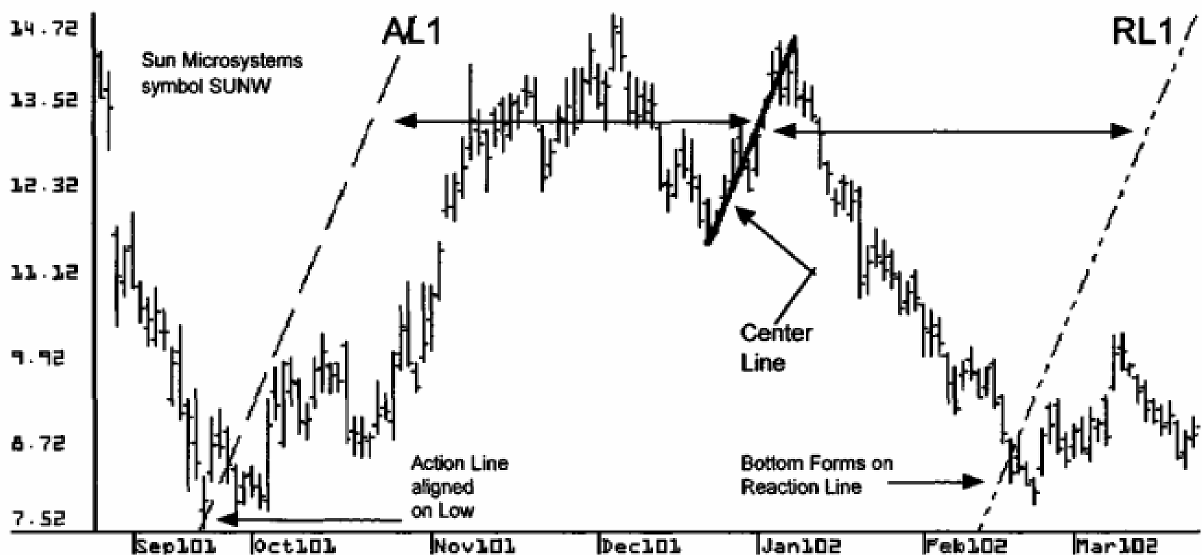
- Biểu đồ trên cho ta thấy một cách rất đơn giản phương pháp phản ứng lại thị trương 1. Một trendline cao tới thấp được vẽ. Đường hành động được vẽ cùng độ nghiêng với đường trung tâm dựa trên đáy pivot kỳ trước, trước đường trung tâm. Đường phản ứng hiển nhiên cũng cùng độ nghiêng với 2 đường trước và đối xứng với đường hành động thông qua đường trung tâm.Đường hành động thể hiện chu kỳ quá khứ, đường phản ứng thể hiện chu kỳ của tương lai. Đỉnh của thị trường trong biểu đồ trên xảy ra ngay sau khi giá đạt tới đường phản ứng điểm A



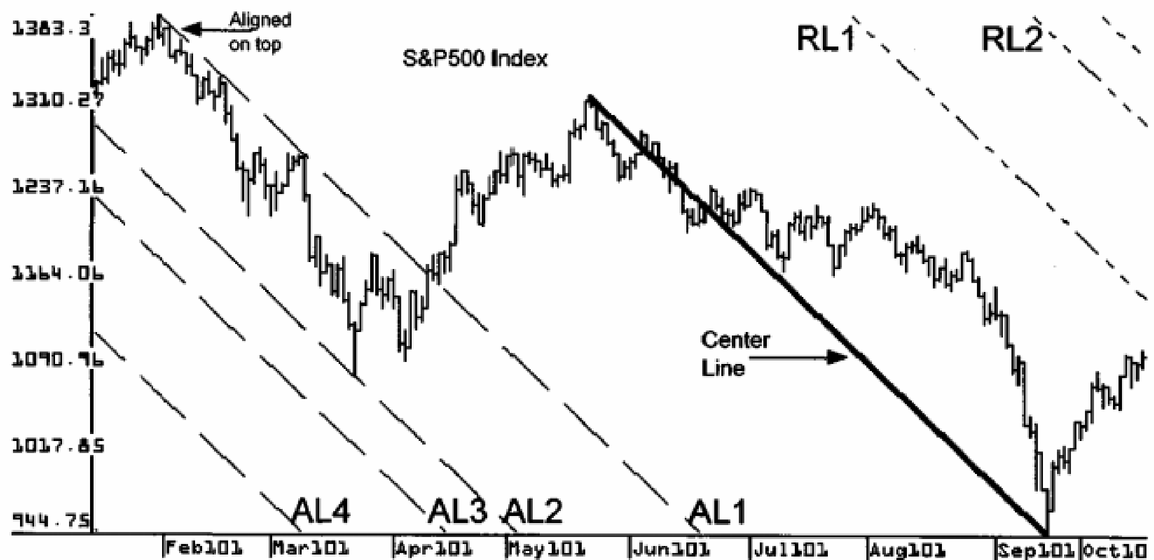
- Biểu đồ trên cũng thể hiện sự phản ứng giá theo phương pháp phản ứng giá 1. Đầu tiên khi sử dụng phương pháp này ta phải xác định đường trung tâm. Trong trường hợp này một trendline kẻ từ cao tới thấp được sử dụng làm đường trung tâm. 4 đường hành động trước đó có cùng độ nghiêng với đường trung tâm và được kẻ qua các đỉnh và đáy pivot đã tạo ra trong quá khứ. Đường hành động luôn bắt buộc phải xảy ra trước đường trung tâm hay còn hiểu nôm na là đường kẻ trong quá khú. Đường phản ứng tương đương với các đường hành động được kẻ đúng = khoảng cách của đương hành động với đường trung tâm. Trong biểu đồ trên thị trường tạo điểm pivot đỉnh tại đường phản ứng điểm A và tạo điểm đáy Pivot tại đường phản ứng 2 điểm B và tiếp tục tạo các đỉnh pivot khác tại đường phản ứng 4 điểm C



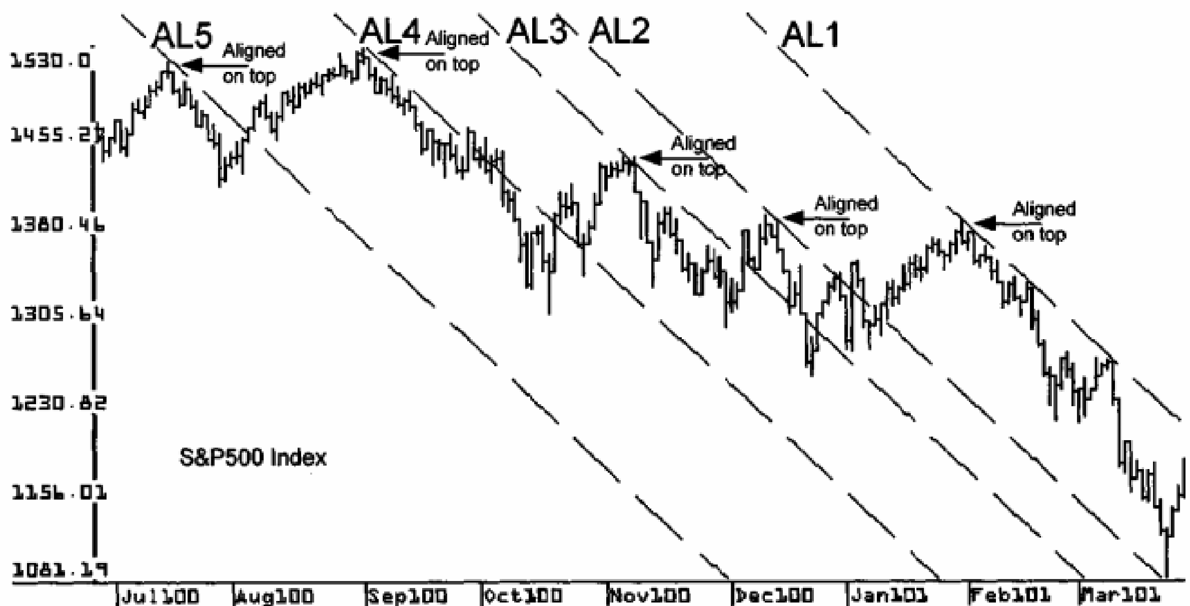
- Biểu đồ trên cho ta thấy đường trung tâm là một trendline kẻ từ cao xuống thấp và mỗi đường hành động đều được kẻ tại đỉnh và đáy Pivot trong quá khứ có độ nghiêng tương đương với đường trung tâm. 3 đường phản ứng được kẻ dựa trên sự có sẵn của 3 đường hành động và đường trung tâm dựa trên lý thuyết trên, thị trương liên tục tạo đỉnh tại đường phản ứng 1, đáy tại đường phản ứng 2 và đỉnh tại đường phản ứng 3



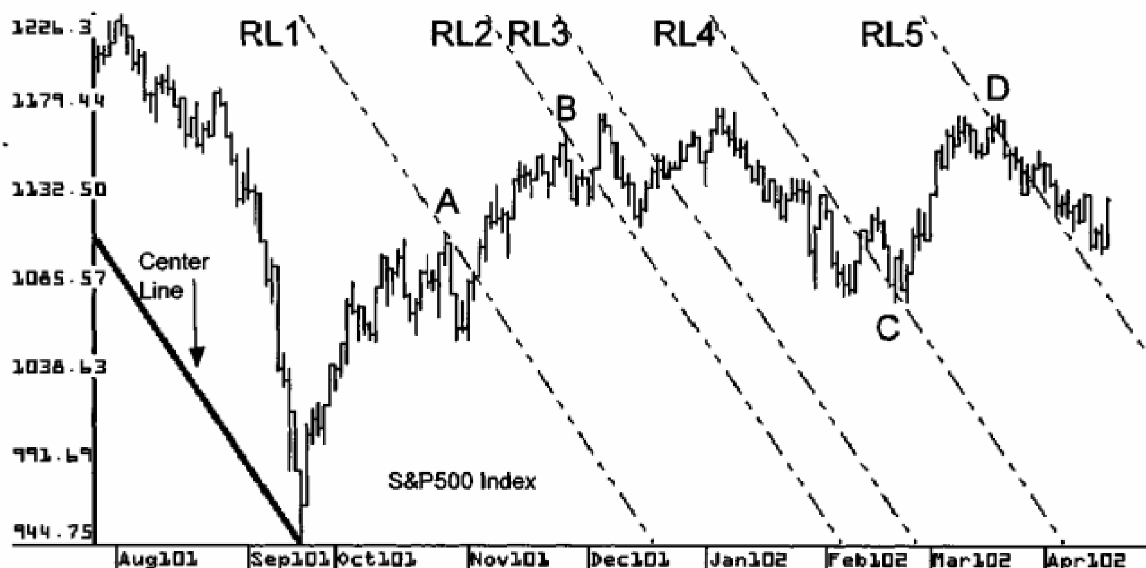
- Đường trung tâm được xác định bằng đường trendline kẻ từ thấp đến cao. Tương tự ta xác định được đường hành động và đường phản ứng. Trong biểu đồ trên, thị trường tạo đáy ngay sao khi giá đóng cửa dưới đường phản ứng



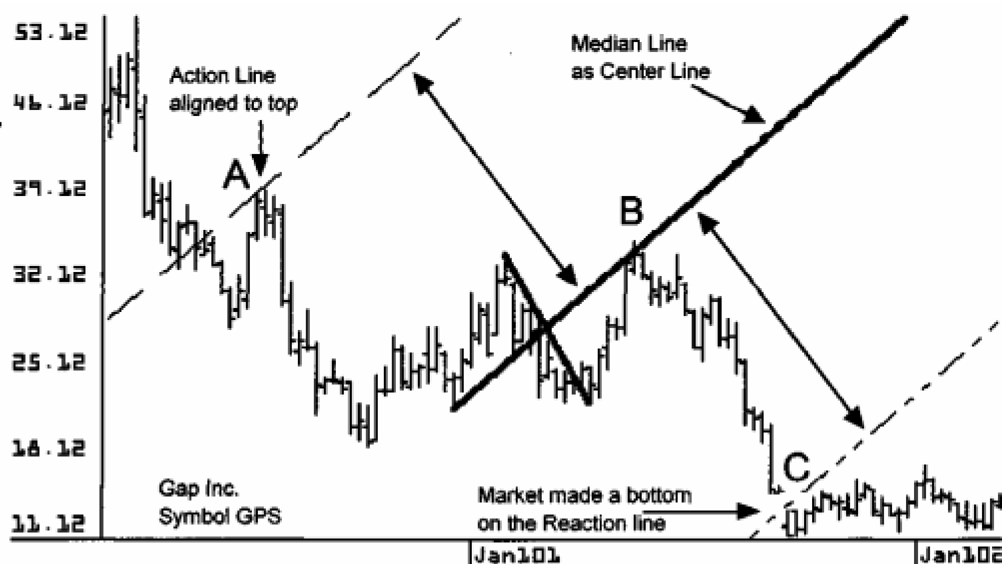
- Biểu đồ trên là biểu đồ của S&P500, bước đầu tiên ta cũngáp dụng phương pháp trên để xác định đường trung tâm. Biểu đồ trên đường trung tâm được kẻ từ điểm pivot đỉnh đến pivot đáy của tháng 9 trước khi thị trường tăng giá trở lại. Ta tiếp tục chuyển sang hình dưới đây



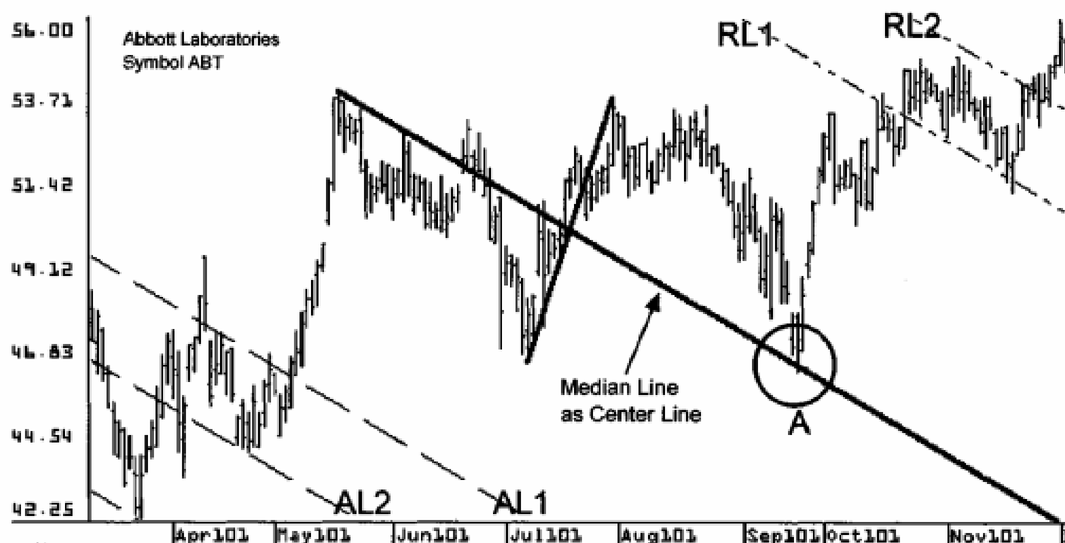
- Bước 2 khi ta áp dụng phương pháp này để xác định vị trí của đường hành động. Trong biểu đồ trên đường hành động được xác định qua 5 điểm đỉnh của một pivot. Tiếp tục coi biểu đồ dưới đây để xem cách xác định đường phản ứng

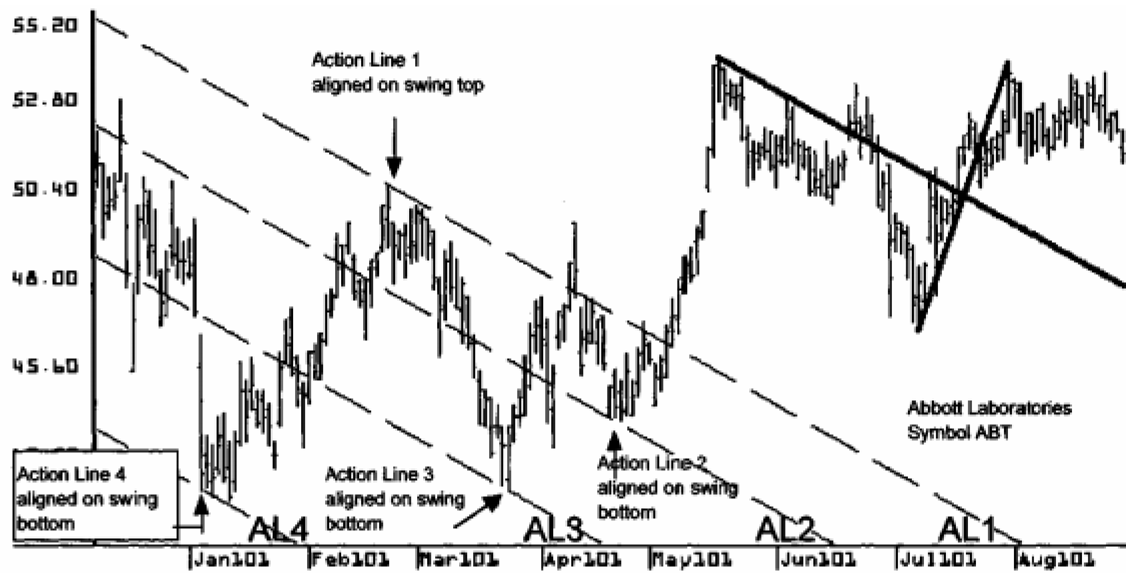


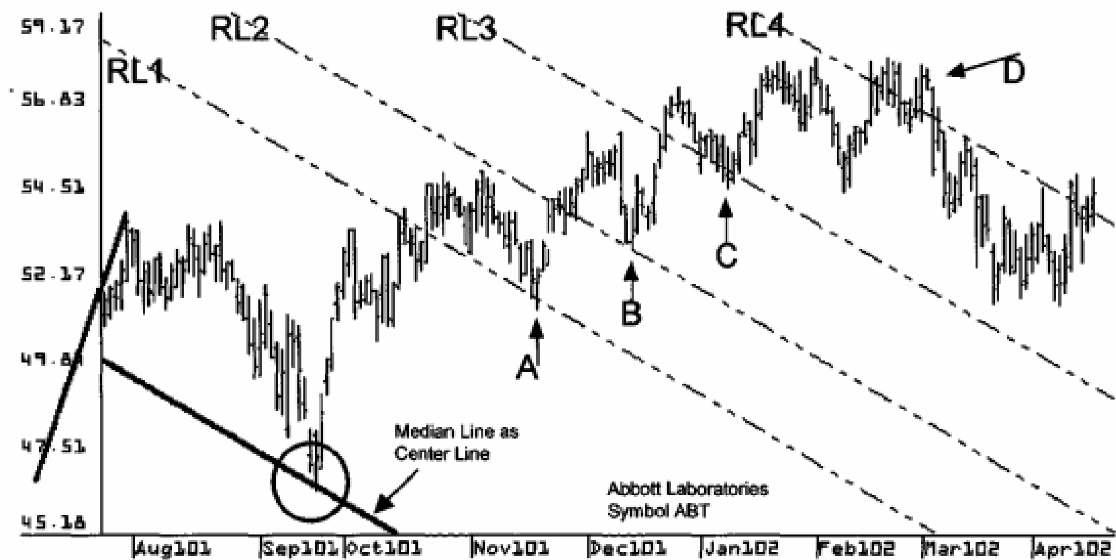
- Biểu đồ trên là bước thứ 3 và là bước cuối cùng của phương pháp xác định phản ứng này. 5 đường phản ứng được kẻ dựa trên 5 đường hành động trước. thị trường tạo đỉnh pivot tại đường phản ứng 1 và tạo một đỉnh nhỏ ở đường phản ứng 2. Tạo đáy tại đường phản ứng 4 và cuối cùng tạo đỉnh tại phản ứng 5 điểm D.



- Trong biểu đồ trên, đường trung tuyến được sử dụng như đường trung tâm. Bước đầu tiên trong sử dụng phương pháp giao dịch phản ứng lại thị trường là việc lựa chọn đường trung tâm. Khi sử dụng đường trung tuyến như một đường trung tâm, chọn đường trung tuyến song song trong quá khứ nơi bắt đầu xuất hiện điểm đảo chiều
- Biểu đồ trên giá tăng và chạm đường trung tuyến tại điểm B và tạo ngay đỉnh pivot tại điểm đường trung tuyến, và khi giá tạo điểm đảo chiều ngay tại đó cho ta một điều đường trung tuyến lúc này đóng vai trò như một đường trung tâm
- Bước thứ 2 áp dụng phương pháp phản ứng lại thị trường ta vẽ đường hành động, trên biểu đồ trên ta chỉ vẽ một đường hành động. Đường hành động như trên đã nói là đường song song với đương trung tâm và lấy đỉnh Pivot (điểm A) làm mốc
- Bước cuối cùng ta sẽ đi tìm đường phản ứng, được kẻ đối xứng với đường hành động qua đường trung tâm. Hay nói cách khác khoảng cách từ đường hành động đến đường trung tâm bằng khoảng cách từ đường phản ứng tới đường trung tâm







- Thêm một ví dụ về đường trung tuyến = đường trung tâm. DIễn biến của 3 biểu đồ của mã CK ABT

Phương pháp phản ứng thị trường 2

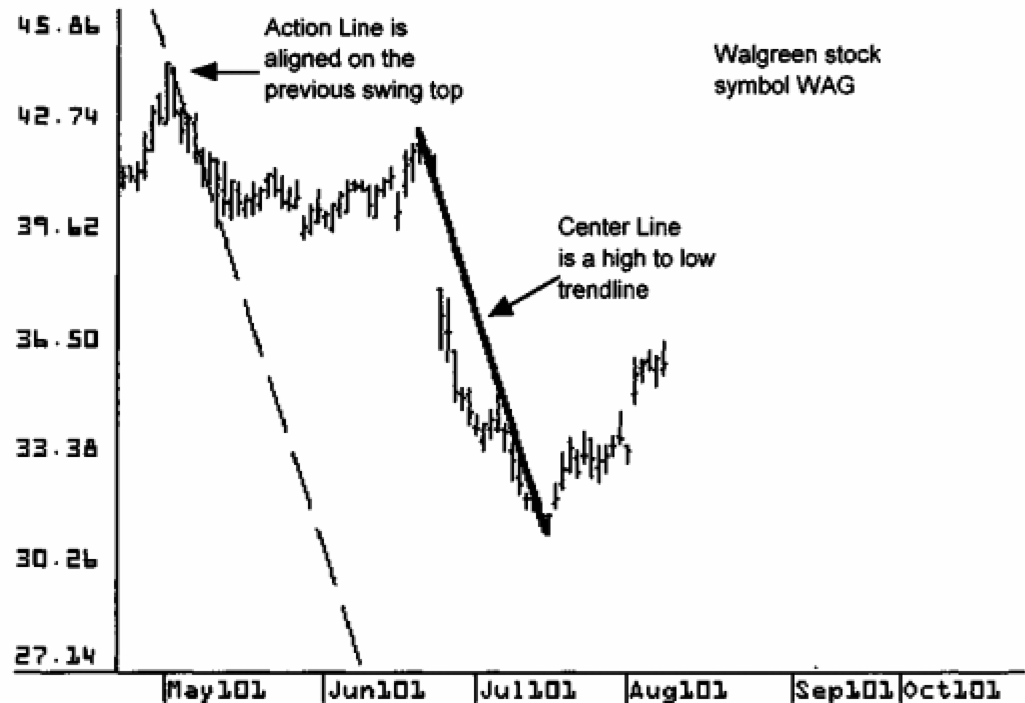
- Bước 1: Đường trung tâm:

- o Sự khác biệt giữa phương pháp 1 và phương pháp 2 là phải làm việc với số lượng các đường hành động của mỗi phương pháp và cách tính đường phản ứng. Đường hành động và phản ứng ta sẽ bàn sau. Bây giờ ta sẽ đi vào phần đàu tiên đường trung tâm
- o Bước đầu tiên trong việc áp dụng phương pháp 2 này là tìm đường trung tâm. Nguyên tắc vẽ đường trung tâm của phương pháp 1 và 2 là giống nhau. Đường trung tâm cũng có thể là đường trung tuyến, một đường trendline hoặc đường trendline đa điểm. Đường trung tâm không được là đường trendline dĩa trên hoặc dưới hoặc đường cảnh báo

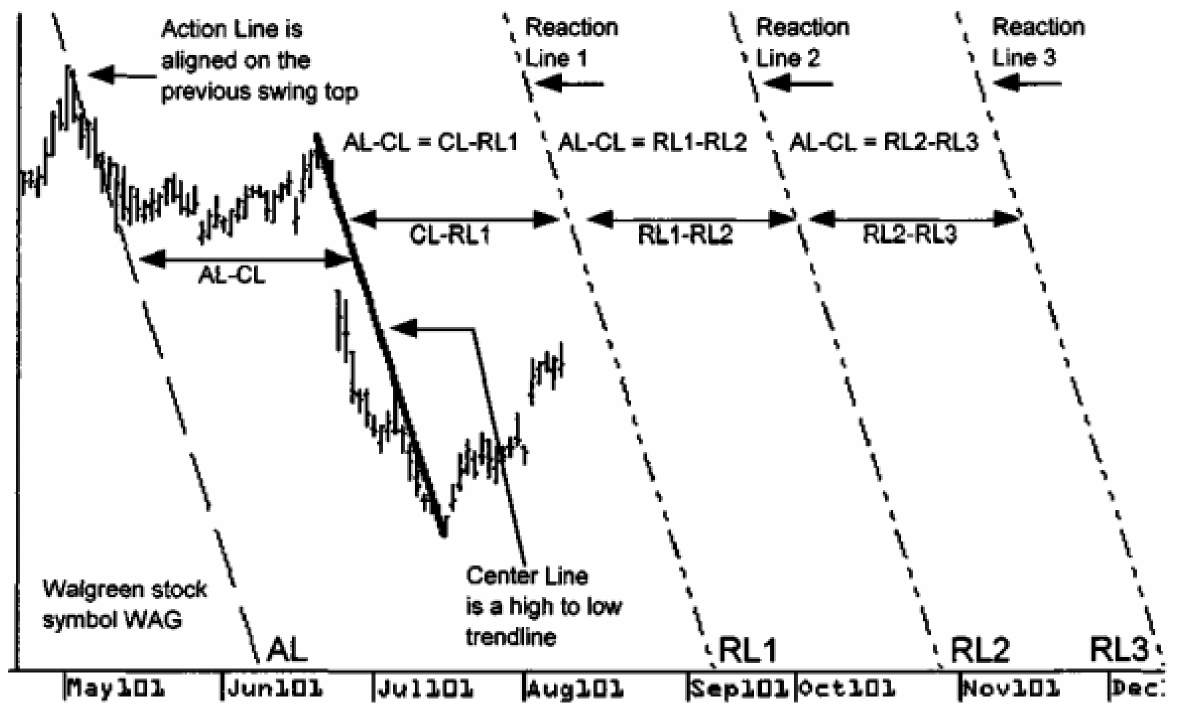


- o Hình trên ta thấy một đường trendline kẻ từ cao xuống thấp, và được lấy là đường trung tâm để giải thích phương pháp 2 này

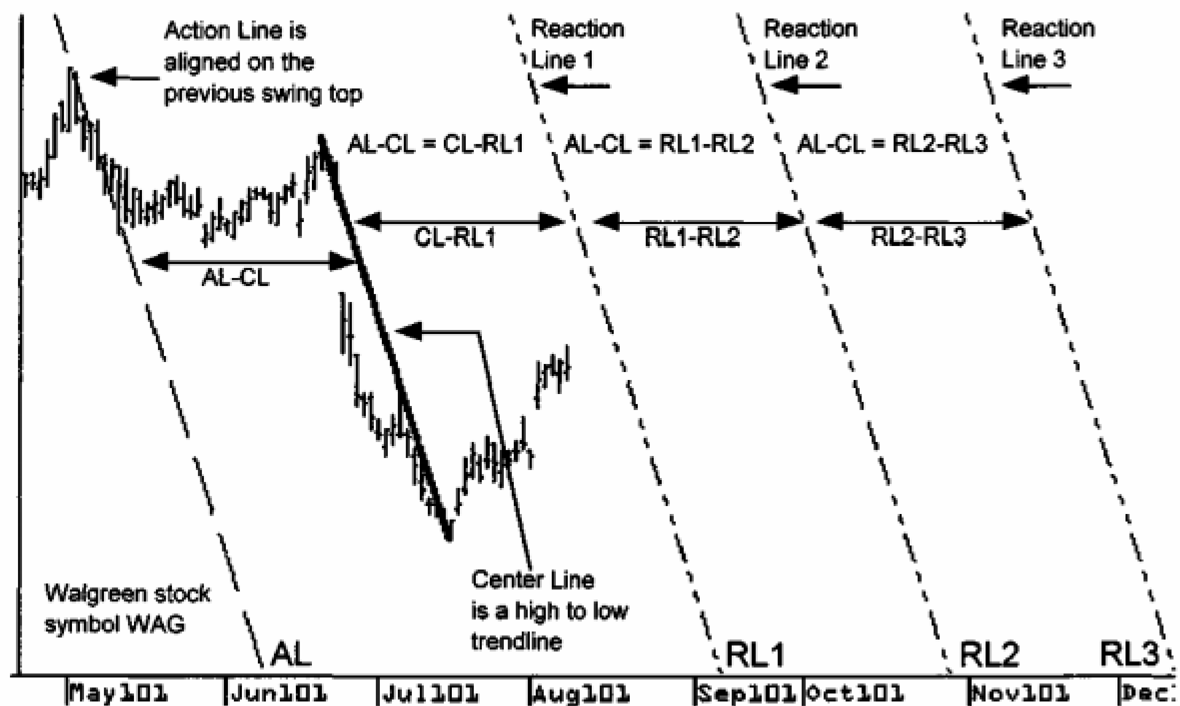
- Bước 2:
  - o Phương pháp phản ứng 2 này chỉ sử dụng duy nhất một đường hành động, và đường phản ứng cũng được tính toán dựa trên đường hành đông này. Đường hành động phải được vẽ phía bên trái đường trung tâm và có độ dốc = với độ dốc của đường trung tâm. Đường hành động phải thẳng hàng với các đỉnh và đáy pivot trước đó. Khoảng cách giữa đường hành động và đường trung tâm lúc này được coi là chu kỳ trong quá khứ đã xảy ra, chu kỳ này chính là cơ sở cho việc tính toán đường phản ứng trong tương lai. Ta đi vào xem xét ví dụ dưới đây



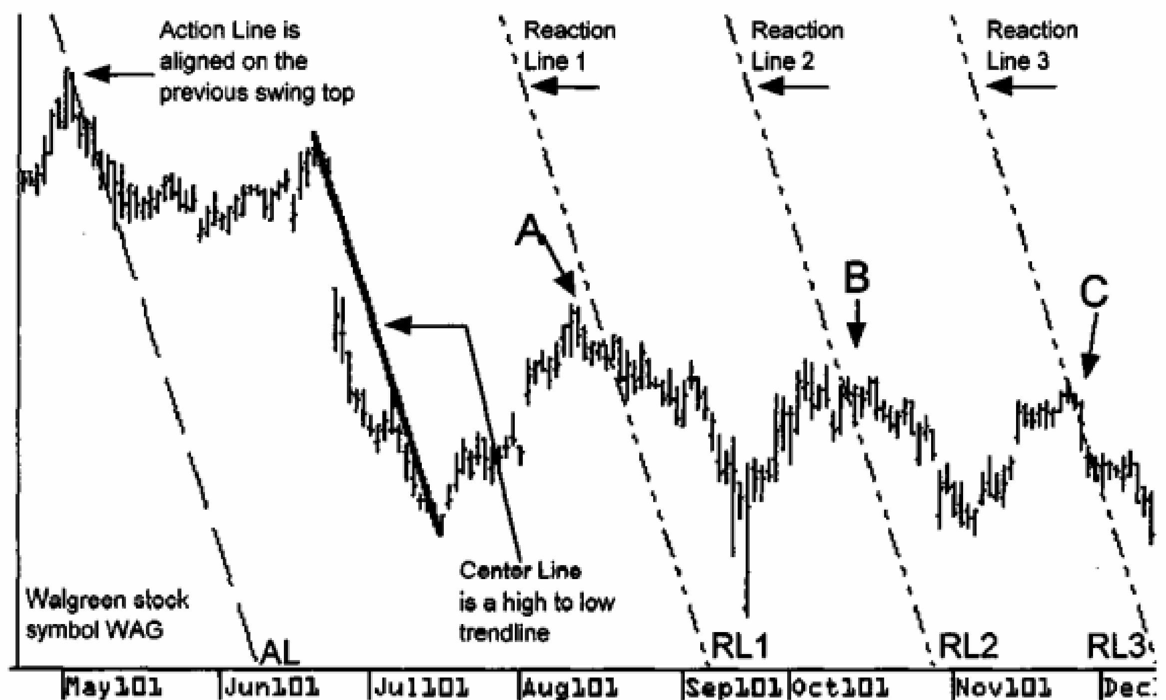
- Bước 3: Đường phản ứng
    - Sử dụng phương pháp 2 ta chỉ có duy nhất một đường hành động, đường hành động này được sử dụng để xác đinh vị trí của đường phản ứng. ĐƯờng phản ứng 1 được kẻ với khoảng cách bằng khoảng cách từ đường hành động tới đường trung tâm, đường phản ứng 2 được kẻ với khoảng cách gấp 2 lần so với khoảng cách của đường hành động với đường trung tâm, tương tự như vậy đường phản ứng 3 thì gấp 3 lần. Như vậy khoảng cách giữa đường trung tâm và đường hành đông chính là khoảng cách của các đường phản ứng



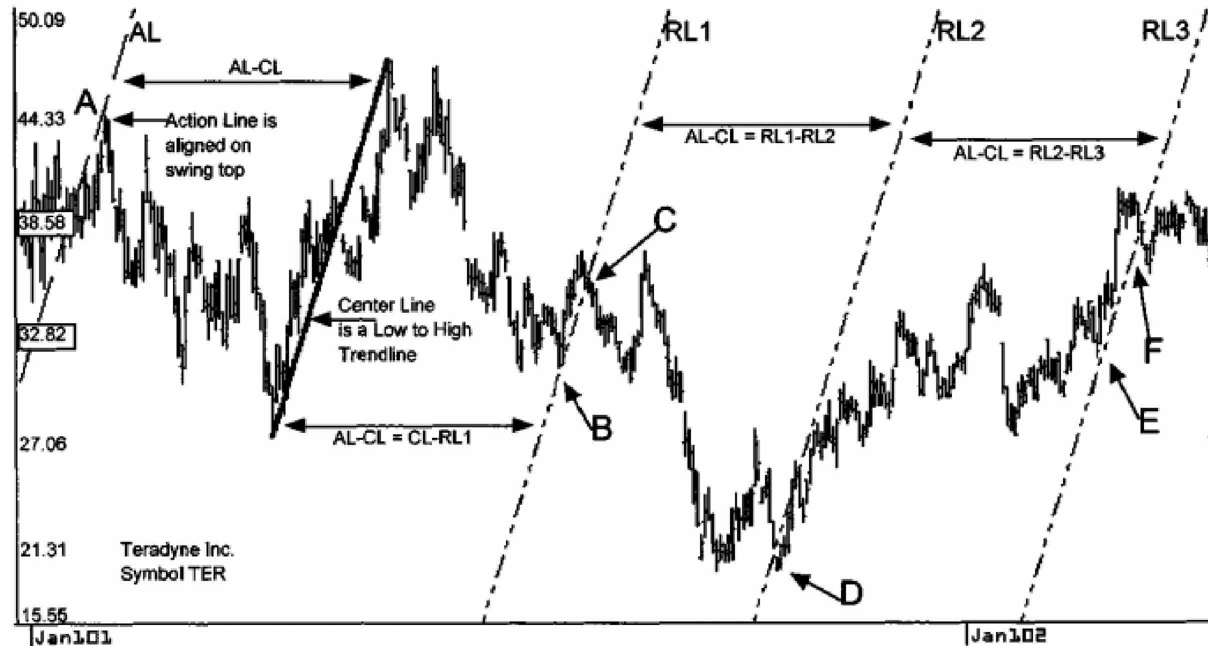
- Trong biểu đồ trên, khoảng cách giữa đường hành động và đường trung tâm = khoảng cách giữa đường phản ứng 2 và 3 hoặc 2 và 1 hoặc giữa đường trung tâm và 1, sử dụng phương pháp này, ta có thể tìm được rất nhiều đường hành động



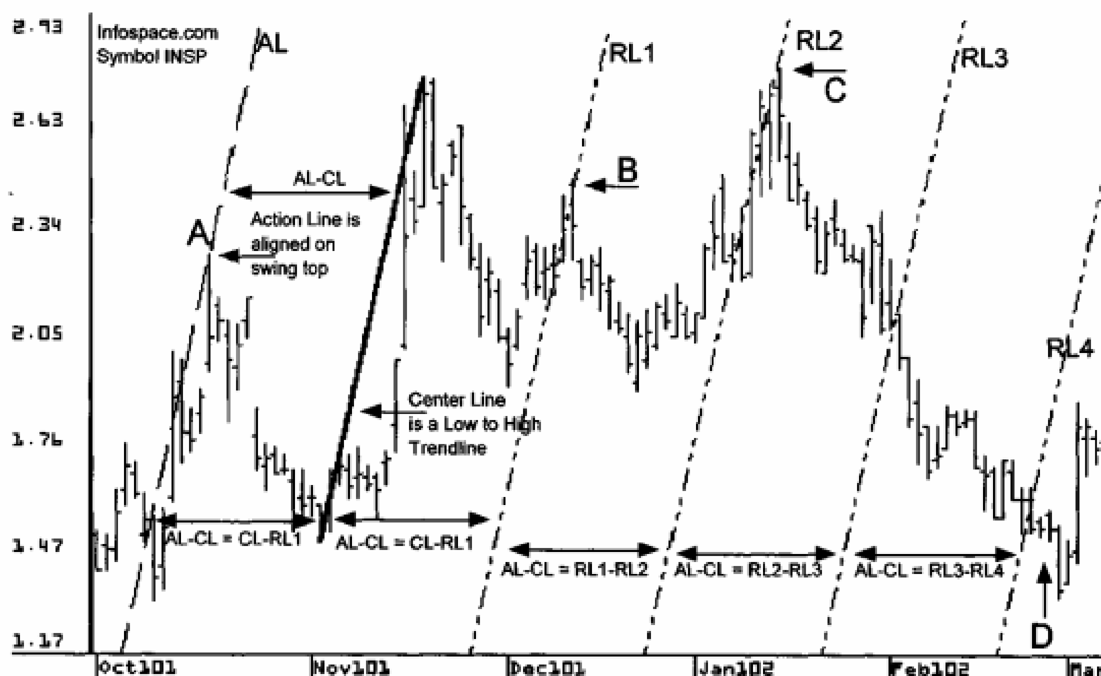
- Biểu đồ này là biểu đồ tiếp diễn của biểu đồ trên. Trong ví dụ này ta thấy giá giá biến động về phía cuối và cũng theo phương pháp này ta chỉ tập trung khi giá biến động chạm tới đường phản ứng.



- Giá tạo đỉnh ngay khi tiếp cận đường phản ứng 1 tại điểm A rồi giảm. Giá sideway ngay khi tạo đỉnh tiếp theo tại đường phản ứng 2 điểm B và cuối cùng khi giá dạt tới đường phản ứng 3 tại điểm C, cũng tạo một dỉnh ngay tại đó rồi di xuống. Với phương pháp này cho ta tháy với 2 đường trung tâm và đường hành động đã cung cấp cho ta một tính toán tốt về chu ky giao động trong tương lai của giá



- Biểu đồ trên là biểu đồ ngày của mã CK TER. Trong biểu đồ này phương pháp 2 cho ta đường trung tâm bằng cách kẻ đường trendline từ cao xuống thấp phía bên trái màn hình, chỉ có một đường hành động được sử dụng trong phương pháp này. Đường hành động phía bên trái biểu đồ được kẻ qua đỉnh swing tại điểm A. Đường hành động ở đây được viết tắt là AL, đường phản ứng viết tắt là RL. Khi giá đạt đến điểm đường phản ứng 1 (RL1) và tạo đáy tại điểm B và đỉnh tại C, khi giá tiến đến RL2, và tạo đáy tại điểm D, giá sideway tại điểm E và tạo một đáy nhỏ sau đó tăng mạnh lên, giá tiếp tục tiếp cận đường RL3 tại điểm F nơi mà vùng giá swing kết thúc

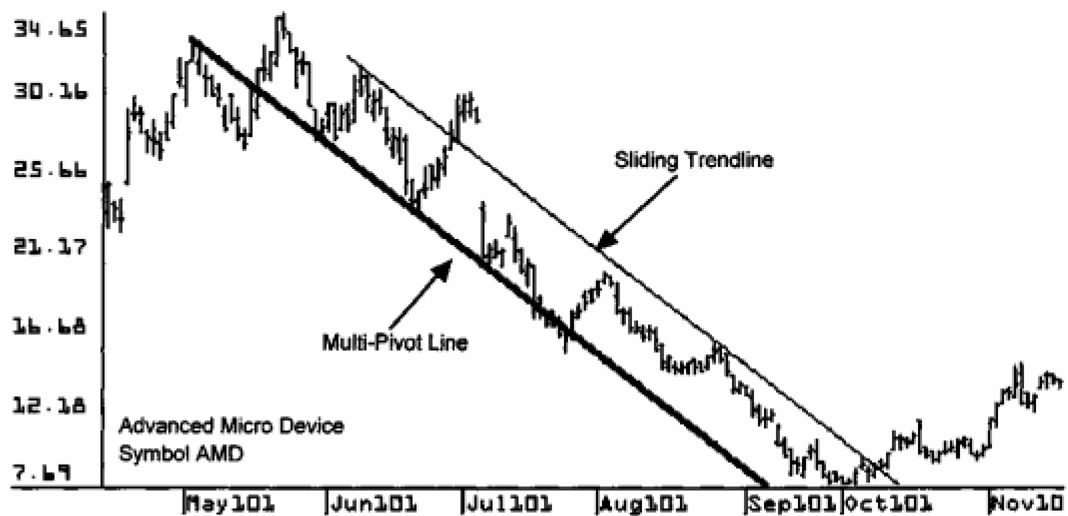


- Biểu đồ mà cổ phiếu của INSP, áp dụng phương pháp 2. Đường trung tâm là một trendline kẻ từ cao xuống thấp trong lịch sử của biểu đồ. Chỉ duy nhất có một đường hành động được sử dụng trong phương pháp này. Đường hành động (AL) nằm phía bên trái đường trung tâm và biểu đồ và thẳng hàng với đường trung tâm với đỉnh swing là điểm A. Sử dụng khoảng cách giữa 2 đường hành động và trung tâm, ta tính được các đường phản ứng, tất cả các đường phản ứng đều có khoảng cách = nhau. Khi giá chạm đường phản ứng 1 (RL1) giá tạo ra đỉnh tại điểm B. Khi giá chạm đường RL2 lại tiếp tục tạo đỉnh tại điểm C. ngay khi đạt tới RL4 giá tạo đáy ngay tại điểm D

KÊNH XU HƯỚNG (TRENDLINE TRƯỢT)

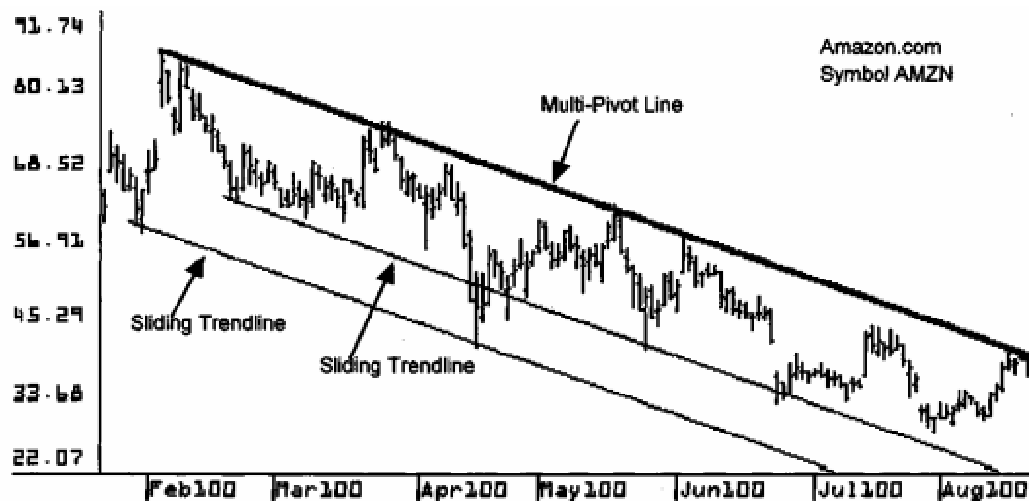
- Trendline trượt hay còn gọi là kênh xu hướng là một trong số phương pháp duy nhất trong trendline của Andrews bởi vì nó không phải được vẽ qua các điểm pivot mà thông qua đường trendline. Kênh xu hướng được bắt đầu = một trendline đa điểm hoặc đường trung tâm hay là một đường trend line đơn giản, sau đó nhân đôi đường này lên, đường nhân đôi đó được gọi là trendline trượt, gộp với trendline trước ta có kênh xu hướng. Đường trendline trượt được xác

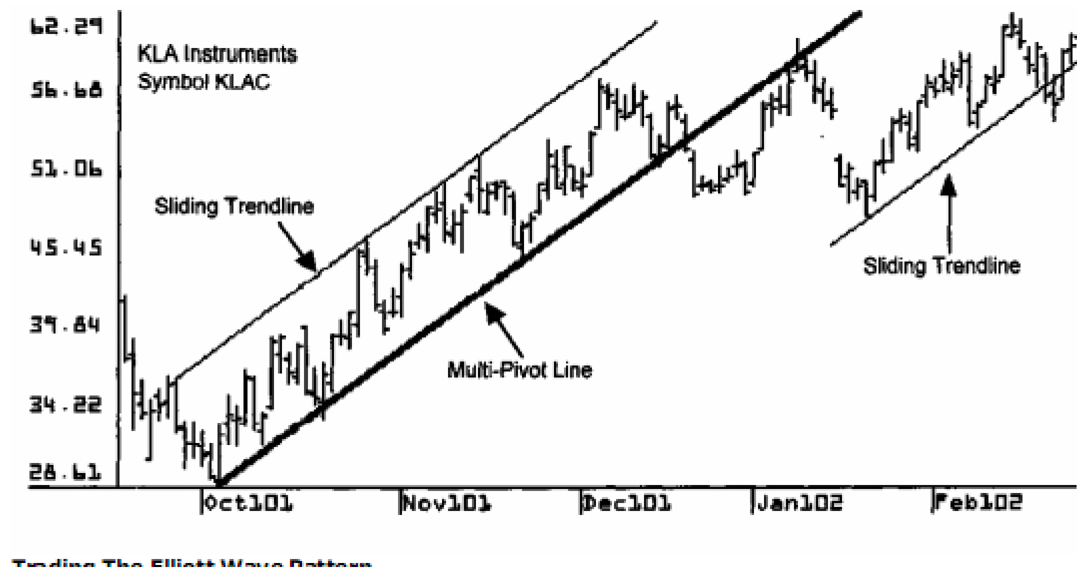
định bằng cách đặt qua các điểm đáy hoặc đỉnh của một xu hướng giảm hoặc tăng trước đó



- Trong biểu đồ trên ta thấy đường kẻ nét đậm là đường trendline đa điểm. ĐƯờng thứ 2 là đường nhân đôi lên từ đường trendline trước và tạo thành trendline trượt và tạo thành kênh xu hướng xuống. Đường trendline trượt này được tạo thành ranh giới của đỉnh các điểm swing. Khi nào giá còn chạy trong kênh xu hướng thì giá vẫn tiếp tục có xu hướng giảm
- Một số ví dụ khác:

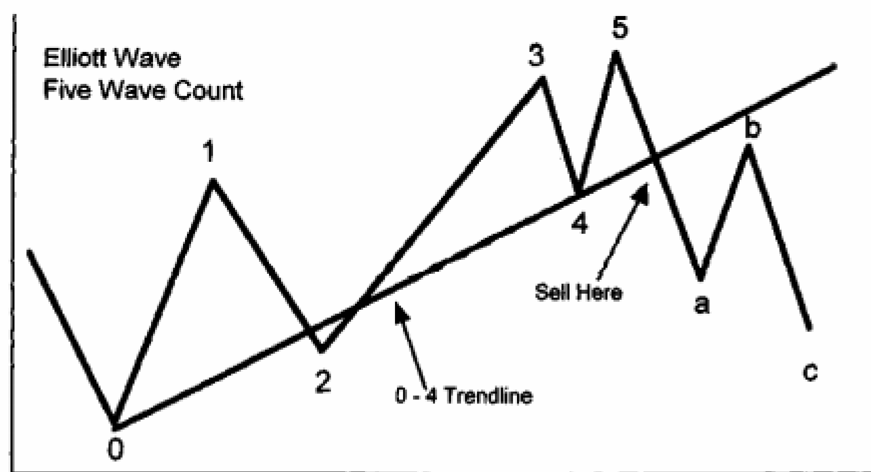
49





GIAO DỊCH VỚI MÔ HÌNH SÓNG ELLIOT

- Phương pháp giao dịch theo mô hình sóng Elliot hiện nay cực kỳ phổ biến. Trong phần còn lại của sự nghiệp của mình Andrews thường sử dụng trendline để cố gắng đạt được những ưu điểm của sóng Elliot để dự báo biến động của điểm Pivot. Trong cuốn sach này không dành nhiều thời gian để đè cập sâu hơn về Elliot. Lý thuyết sóng Elliot chỉ ra rằng thị trường chuyển động theo 5 dạng sóng gọi là sóng 1,2,3,4,5. Ta có thể nhìn thấy ví dụ cho một trend tăng về sóng Elliot ở biểu đồ dưới đây



- Giá tạo các điểm swing tại điểm 1,2,3,4,5 và tạo nên 5 sóng của Elliot. Sau 5 sóng của Elliot